

**CÔNG TY CỔ PHẦN
MÔI TRƯỜNG ĐÔ THỊ TỈNH LÀO CAI**

Số: 32/MTĐT
V/v công bố thông tin về
Báo cáo thường niên năm 2021

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Lào Cai, ngày 18 tháng 3 năm 2022

Kính gửi:

- Ủy ban Chứng khoán Nhà nước;
- Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội (HNX).

- Tên công ty: CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG ĐÔ THỊ TỈNH LÀO CAI
- Mã chứng khoán: MLC.
- Địa chỉ trụ sở chính: Số 099, đường Nhạc Sơn, tổ 19, phường Kim Tân, thành phố Lào Cai, tỉnh Lào Cai.
- Điện thoại: 02143.841.038 - Fax: 02143.841.038
- Email: moitruonglaocai@gmail.com
- Người thực hiện CBTT ông: Ngô Văn Trường
- Chức vụ: Chủ tịch HĐQT - Điện thoại: 0913099218
- Người được ủy quyền CBTT:
- Chức vụ: Điện thoại:

Loại thông tin công bố:

24 giờ; 72 giờ; bất thường; theo yêu cầu; định kỳ.

Nội dung của thông tin công bố: Công bố thông tin về Báo cáo thường niên năm 2021 của Công ty Cổ phần Môi trường Đô thị tỉnh Lào Cai.

Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty tại đường dẫn: <https://moitruongdothilaocai.com.vn/quan-he-co-dong/bao-cau-thuong-nien/>.

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung thông tin đã công bố./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- HĐQT, BKS, BGĐ Công ty;
- Website Công ty (Đang tải);
- Lưu: VT, HĐQT.(Tuấn Anh)

**NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT
CHỦ TỊCH HĐQT**

Ngô Văn Trường

BÁO CÁO
Thường niên năm 2021

Kính gửi:

- Ủy ban Chứng khoán Nhà nước;
- Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội.

I. Thông tin chung

1. Thông tin khái quát

- Tên giao dịch: CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG ĐÔ THỊ TỈNH LÀO CAI.
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: 5300133049 đăng ký lần đầu ngày 15/9/2010 và đăng ký thay đổi lần 5 ngày 10/6/2021.
- Vốn điều lệ: 41.711.750.000 đồng.
- Vốn đầu tư chủ sở hữu: 41.711.750.000 đồng.
- Địa chỉ: Số 099, đường Nhạc Sơn, tổ 19, phường Kim Tân, thành phố Lào Cai, tỉnh Lào Cai.
- Số điện thoại: 0214.3841.038
- Số Fax: 0214.3841.038
- Website: moitruongdothilaocai.com.vn
- Mã cổ phiếu: MLC.
- Ngày giao dịch đầu tiên (trên thị trường Upcom): 23/5/2017.

Quá trình hình thành và phát triển Công ty

Ngày 04/6/1993, Công ty phục vụ công cộng thị xã Lào Cai được thành lập và chính thức đi vào hoạt động từ ngày 01/11/1993, nhiệm vụ chủ yếu là công tác vệ sinh môi trường trên phần diện tích quy mô nhỏ tại địa bàn thị xã Lào Cai.

Tháng 9/1998, Công ty chuyển đổi phương thức hoạt động từ đơn vị hành chính sự nghiệp sang doanh nghiệp Nhà nước. Tổng số vốn điều lệ là 2.168.244.400 đồng, với ngành nghề kinh doanh chính là thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải, thoát nước đô thị, quản lý, duy tu các công trình công cộng và làm các dịch vụ về vệ sinh, môi trường.

Cùng với sự phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh, sự gia tăng về rác thải và nguy cơ ô nhiễm môi trường ở một số huyện thị có khu du lịch lớn, Công ty đã mở rộng thị trường cung ứng dịch vụ tới các khu đô thị trọng yếu của tỉnh: Thị

trấn Sa Pa (2001) nay là thị xã Sa Pa; thị trấn Bát Xát (2003); thị trấn Bắc Hà (2006) và Khối dịch vụ công sở (2009).

Tháng 4/2010 chuyển đổi thành Công ty TNHH MTV Môi trường Đô thị tỉnh Lào Cai với số vốn điều lệ là 10.673.000.000 đồng; hoạt động chủ yếu là thu gom, vận chuyển và xử lý rác thải sinh hoạt; quản lý chăm sóc hệ thống cây xanh đô thị; quản lý, vận hành hệ thống điện chiếu sáng công cộng; duy tu, bảo dưỡng giao thông, thoát nước đô thị; phun nước chống bụi đường; quản lý nghĩa trang nhân dân và các dịch vụ về môi trường.

Ngày 31/12/2015 Công ty tổ chức bán đấu giá cổ phần lần đầu tại Công ty CP Chứng khoán Châu Á Thái Bình Dương, giá đấu thành công bình quân là 10.019 đồng/ 1 cổ phiếu.

Ngày 04/4/2016 Công ty chính thức chuyển thành Công ty cổ phần theo giấy đăng ký Doanh nghiệp số 462/CP, mã số doanh nghiệp 5300133049 với vốn điều lệ 41.711.750.000 đồng.

Ngày 12/12/2016 Công ty được Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam cấp Giấy chứng nhận đăng ký chứng khoán số 189/2016/GCNCP-VSD với số lượng đăng ký là 4.171.175 cổ phiếu.

2. Ngành nghề, địa bàn kinh doanh

- Ngành nghề kinh doanh:

STT	Tên ngành	Mã ngành
1	Trồng rau, đậu các loại và trồng hoa	0118
2	Trồng cây hàng năm khác	0119
3	Trồng cây ăn quả	0121
4	Trồng cây gia vị, cây dược liệu, cây hương liệu lâu năm	0128
5	Trồng cây lâu năm khác Chi tiết: Trồng cây xanh đô thị; trồng các cây cảnh phục vụ nhu cầu sinh hoạt, làm đẹp cảnh quan, môi trường, sinh hoạt văn hóa.	0129
6	Nhân và chăm sóc cây giống hàng năm	0131
7	Nhân và chăm sóc cây giống lâu năm	0132
8	Trồng trọt, chăn nuôi hỗn hợp	0150
9	Hoạt động dịch vụ trồng trọt	0161
10	Hoạt động dịch vụ sau thu hoạch	0163
11	Xử lý hạt giống để nhân giống	0164

12	Trồng rừng, chăm sóc rừng và ươm giống cây lâm nghiệp	0210
13	Hoạt động dịch vụ lâm nghiệp	0240
14	Khai thác thủy sản nội địa	0312
15	Nuôi trồng thủy sản nội địa	0322
16	Sản xuất mỹ phẩm, xà phòng, chất tẩy rửa, làm bóng và chế phẩm vệ sinh Chi tiết: Sản xuất các sản phẩm hóa, sinh, vi sinh trong xử lý môi trường, chăn nuôi, trồng trọt và nuôi trồng thủy sản.	2023
17	Sản xuất các cấu kiện kim loại	2511
18	Sản xuất thùng, bể chứa và dụng cụ chứa đựng bằng kim loại	2512
19	Gia công cơ khí; xử lý và tráng phủ kim loại	2592
20	Sửa chữa máy móc, thiết bị	3312
21	Sửa chữa thiết bị điện Chi tiết: Vận hành và sửa chữa hệ thống điện chiếu sáng công cộng, điện trang trí, đèn tín hiệu giao thông và đài phun nước.	3314
22	Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp	3320
23	Khai thác, xử lý và cung cấp nước	3600
24	Thoát nước và xử lý nước thải	3700
25	Thu gom rác thải không độc hại Chi tiết: Thu gom, vận chuyển rác thải sinh hoạt, chất thải công nghiệp không nguy hại, chất thải y tế không nguy hại, phế thải xây dựng và hầm cầu.	3811 (Chính)
26	Thu gom rác thải độc hại Chi tiết: Thu gom, vận chuyển chất thải nguy hại từ sinh hoạt, chất thải nguy hại từ các ngành công nghiệp, y tế, dịch vụ và nông nghiệp.	3812
27	Xử lý và tiêu hủy rác thải không độc hại Chi tiết: Xử lý rác thải sinh hoạt, chất thải công nghiệp không nguy hại, chất thải y tế không nguy hại, phế thải xây dựng và hầm cầu.	3821
28	Xử lý và tiêu hủy rác thải độc hại Chi tiết: Xử lý chất thải nguy hại từ sinh hoạt và chất thải nguy hại từ các ngành công nghiệp, y tế, dịch vụ và nông nghiệp.	3822
29	Tái chế phế liệu	3830

30	Xử lý ô nhiễm và hoạt động quản lý chất thải khác Chi tiết: Xử lý ô nhiễm môi trường các hệ thống sông, hồ, đầm, ao.	3900
31	Xây dựng nhà để ở	4101
32	Xây dựng nhà không để ở	4102
33	Xây dựng công trình đường bộ	4212
34	Xây dựng công trình điện	4221
35	Xây dựng công trình cấp, thoát nước	4222
36	Xây dựng công trình công ích khác Chi tiết: Xây dựng các công trình xử lý chất thải, xử lý môi trường.	4229
37	Phá dỡ	4311
38	Chuẩn bị mặt bằng	4312
39	Lắp đặt hệ thống điện	4321
40	Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống sưởi và điều hoà không khí	4322
41	Lắp đặt hệ thống xây dựng khác	4329
42	Hoàn thiện công trình xây dựng	4330
43	Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác	4390
44	Bảo dưỡng, sửa chữa ô tô và xe có động cơ khác	4520
45	Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống Chi tiết: Kinh doanh, xuất nhập khẩu các loại hoa và cây trồng, kể cả cây cảnh và các loại dùng để làm giống	4620
46	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác Chi tiết: Kinh doanh, xuất nhập khẩu máy móc, thiết bị phục vụ công tác môi trường.	4659
47	Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: Kinh doanh, xuất nhập khẩu các loại hóa phẩm và các trang thiết bị liên quan đến lĩnh vực xử lý môi trường. Bán buôn các sản phẩm thu được từ tái chế, tái sử dụng chất thải.	4669
48	Bán lẻ hàng hóa khác lưu động hoặc tại chợ	4789
49	Bán lẻ hình thức khác chưa được phân vào đâu	4799

50	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ	4933
51	Dịch vụ lưu trú ngắn ngày	5510
52	Cung cấp dịch vụ ăn uống theo hợp đồng không thường xuyên với khách hàng	5621
53	Dịch vụ phục vụ đồ uống	5630
54	Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê Chi tiết: Cho thuê, điều hành, quản lý nhà và đất ở.	6810
55	Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan Chi tiết: Tư vấn thiết kế các công trình xây dựng, cây xanh đô thị, rừng, điện chiếu sáng.	7110
56	Cho thuê xe có động cơ	7710
57	Hoạt động bảo vệ tư nhân Chi tiết: Dịch vụ tuần tra và bảo vệ.	8010
58	Vệ sinh chung nhà cửa	8121
59	Vệ sinh công nghiệp và các công trình chuyên biệt	8129
60	Dịch vụ chăm sóc và duy trì cảnh quan	8130
61	Hoạt động của các công viên vui chơi và công viên theo chủ đề	9321
62	Hoạt động dịch vụ phục vụ tang lễ	9632
63	Sửa chữa thiết bị điện tử và quang học	3313

- Địa bàn hoạt động: Tỉnh Lào Cai.

3. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý

3.1. Mô hình quản trị

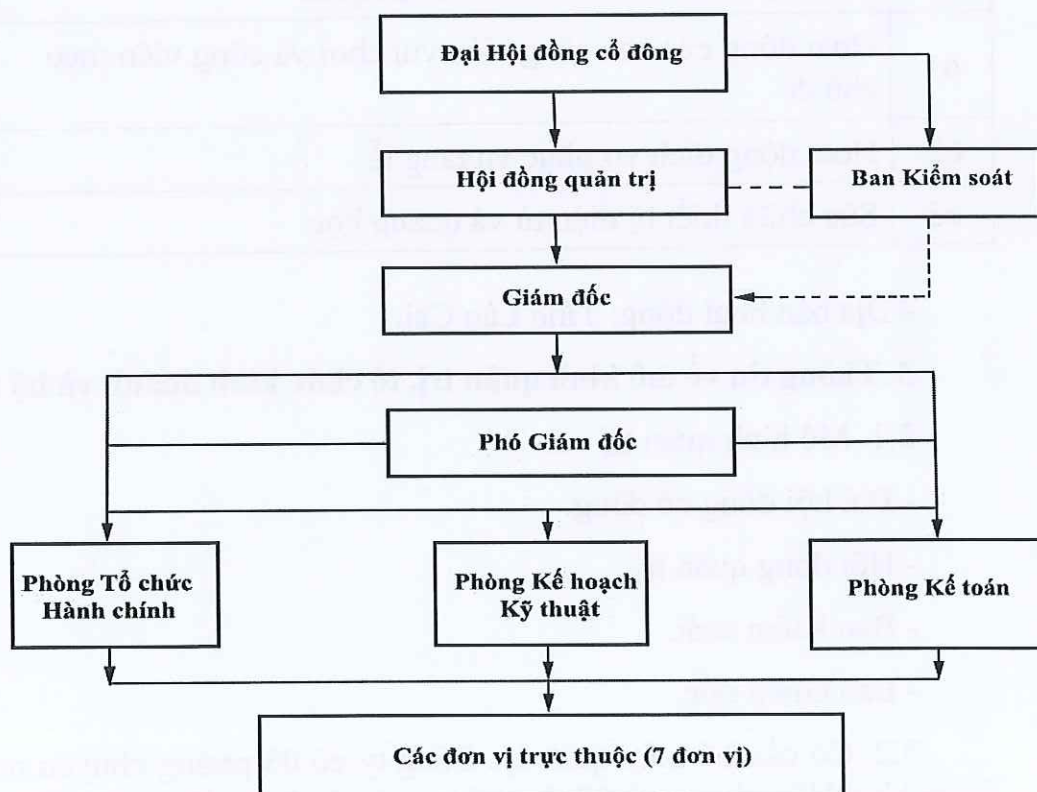
- Đại hội đồng cổ đông.
- Hội đồng quản trị.
- Ban Kiểm soát.
- Ban Giám đốc.

3.2. Cơ cấu bộ máy quản lý: Công ty có 03 phòng chuyên môn nghiệp vụ thuộc khối Văn phòng và 07 đơn vị trực thuộc hoạt động trên địa bàn thành phố Lào Cai, thị xã Sa Pa, huyện Bắc Hà và huyện Bát Xát.

- Danh sách các phòng chuyên môn nghiệp vụ và các đơn vị trực thuộc, gồm:

TT	Tên phòng, đơn vị trực thuộc	Địa chỉ trụ sở làm việc
1	Phòng Tổ chức Hành chính	Số 099, đường Nhạc Sơn, tổ 19, P. Kim Tân, TP. Lào Cai, tỉnh Lào Cai
2	Phòng Kế hoạch Kỹ thuật	
3	Phòng Kế toán	
4	Xí nghiệp Môi trường TP. Lào Cai	Số 071 phố Lê Văn Thiêm, tổ 2, phường Bắc Cường, thành phố Lào Cai, tỉnh Lào Cai
5	Xí nghiệp Công viên - Cây xanh	
6	Xí nghiệp Cơ điện - Dịch vụ	
7	Xí nghiệp Xử lý rác thải thành phố Lào Cai	Thôn Toòng Mòn 1, xã Đồng Tuyển, thành phố Lào Cai, tỉnh Lào Cai
8	Xí nghiệp Môi trường Sa Pa	Số 065, đường Thạch Sơn, tổ 3 phường Sa Pa, thị xã Sa Pa, T Lào Cai
9	Xí nghiệp Môi trường Bắc Hà	Thôn Nậm Sắt 4, thị trấn Bắc Hà, huyện Bắc Hà, tỉnh Lào Cai
10	Xí nghiệp Môi trường Bát Xát	Tổ 7, đường Hùng Vương, thị trấn Bát Xát, huyện Bát Xát, tỉnh Lào Cai

Sơ đồ bộ máy



- Các công ty con, công ty liên kết: Không có.

4. Kế hoạch phát triển trong tương lai

4.1. Các mục tiêu chủ yếu của Công ty

- Công ty luôn phấn đấu và tiếp tục duy trì là Doanh nghiệp đi đầu trong lĩnh vực cung cấp các dịch vụ công ích đô thị trên địa bàn tỉnh Lào Cai. Chất lượng dịch vụ và thái độ phục vụ luôn được trú trọng hàng đầu;

- Hoạt động sản xuất kinh doanh hiệu quả, bảo toàn và phát triển vốn đóng góp của các cổ đông;

- Nâng cao đời sống vật chất và tinh thần cho người lao động trong Doanh nghiệp, gắn mục tiêu phát triển Công ty với lợi ích Nhà nước và lợi ích cổ đông;

- Thực hiện công khai minh bạch trong quản lý và điều hành doanh nghiệp;

- Xây dựng đội ngũ lao động chuyên nghiệp, tay nghề cao, nội bộ đoàn kết nhằm hoàn thành xuất sắc các chỉ tiêu kế hoạch đã đề ra;

- Mở rộng địa bàn, ngành nghề kinh doanh; nâng cao năng suất, chất lượng dịch vụ và kinh doanh có hiệu quả;

- Trong các hoạt động của Công ty, phải xem lĩnh vực cung cấp các dịch vụ công ích đô thị tại thành phố Lào Cai, thị xã Sa Pa, huyện Bắc Hà và huyện Bát Xát là lĩnh vực then chốt, lâu dài, có tính chất quyết định đến yếu tố thành công, phát triển hoặc thất bại của Công ty;

- Xem xét đầu tư có trọng điểm để nâng cao khả năng cạnh tranh của mảng dịch vụ công ích đô thị có nguồn thu không từ ngân sách Nhà nước; tiến đến doanh thu dịch vụ là nguồn thu quan trọng góp phần đáng kể vào bảo toàn nguồn vốn, nâng cao lợi nhuận, nâng cao đời sống vật chất, tinh thần và nâng cao thu nhập cho người lao động trong Công ty.

4.2. Chiến lược phát triển trung và dài hạn

- Trên cơ sở quy hoạch tổng thể của tỉnh Lào Cai, Công ty sẽ xem xét đầu tư xây dựng các dự án để phục vụ cho việc thu gom và xử lý rác thải phù hợp với sự phát triển kinh tế xã hội của tỉnh trong các năm tiếp theo;

- Đẩy mạnh chuyển đổi số, thường xuyên đổi mới, áp dụng khoa học công nghệ trong lao động sản xuất để nâng cao năng suất, từng bước cải thiện điều kiện làm việc cho người lao động, nâng cao chất lượng dịch vụ.

- Đổi mới, nâng cao hiệu quả công tác quản lý và điều hành doanh nghiệp; hoàn thiện hệ thống văn bản quản trị nội bộ, thực hiện công tác quy hoạch cán bộ đến năm 2025. Đào tạo bồi dưỡng nâng cao trình độ cho người lao động để đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ tiếp theo;

4.3. Các mục tiêu phát triển bền vững

- Hoạt động kinh doanh bảo toàn và phát triển vốn chủ sở hữu của các cổ đông; đầu tư hiệu quả các dự án; nâng cao năng lực, khả năng cạnh tranh và uy tín Doanh nghiệp trong lĩnh vực cung cấp dịch vụ công ích đô thị.

- Xác định các mục tiêu phát triển bền vững của doanh nghiệp gắn với trách nhiệm bảo vệ môi trường và tuân thủ theo đúng quy định của pháp luật.

5. Các rủi ro

5.1. Rủi ro kinh tế: Ảnh hưởng tiêu cực của dịch bệnh Covid-19 kéo dài việc tìm kiếm thêm công trình, phần việc rất khó khăn; việc hạn chế đầu tư công, thắt chặt trong chi tiêu đã ảnh hưởng đến quá trình đầu tư xây dựng, cắt giảm chi phí, đầu tư trong việc duy trì dịch vụ công ích đô thị đã ảnh hưởng trực tiếp đến doanh thu của Công ty.

5.2. Rủi ro về pháp luật: Hệ thống văn bản pháp luật chưa hoàn thiện, hiệu lực thi hành yếu, bên cạnh đó còn thường xuyên sửa đổi, bổ sung,... ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất của Công ty.

5.3. Rủi ro giá nguyên liệu đầu vào: Giá nguyên, nhiên, vật liệu tăng cao; hệ thống định mức, đơn giá không điều chỉnh kịp thời đã ảnh hưởng không nhỏ đến chi phí đầu vào của Doanh nghiệp và gây ảnh hưởng trực tiếp đến kết quả sản xuất kinh doanh của Công ty.

5.4. Rủi ro về môi trường: Tình trạng ô nhiễm môi trường trong việc xả thải rác thải sinh hoạt, rác thải của hoạt động công nghiệp chưa được thu gom xử lý đúng quy định; tình trạng thu gom xử lý nước thải sinh hoạt, nước thải từ các hoạt động sản xuất công nghiệp chưa được đầu tư xử lý triệt để...gây ra tình trạng ô nhiễm môi trường. Mặc dù, trong thời gian qua việc xả thải của các khu công nghiệp đã được Chính phủ và các địa phương tăng cường triển khai kiểm tra phát hiện và xử lý. Song, vẫn còn nhiều bất cập, thiếu đồng bộ, thiếu sự phối hợp của các ban ngành liên quan.

5.5. Rủi ro khác: Các rủi ro nằm ngoài dự đoán và quá khả năng phòng chống của con người như chiến tranh, thiên tai, thời tiết, hoả hoạn, dịch bệnh... là những rủi ro bất khả kháng. Mặc dù rất hiếm khi xảy ra, nhưng nếu xảy ra sẽ gây thiệt hại lớn về tài sản, con người và tình hình hoạt động chung của Doanh nghiệp. Đây là rủi ro không thể loại trừ nhưng có thể giảm thiểu.

II. Tình hình hoạt động trong năm

1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh

Ngay sau kỳ Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021, HĐQT và Ban Giám đốc Công ty đã tập trung triển khai thực hiện Nghị quyết Đại hội bằng việc chỉ đạo rà soát sắp xếp lại lao động; chỉ đạo, kiểm tra, giám sát việc tổ chức

triển khai thực hiện kế hoạch SXKD đảm bảo hiệu quả,... Quá trình triển khai thực hiện Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông, Công ty gặp không ít khó khăn do ảnh hưởng của dịch bệnh Covid-19, chi phí sản xuất tăng; đơn giá định mức còn thấp, chưa được điều chỉnh kịp thời; hệ thống ga tập kết rác còn thiếu, đặc biệt tại thị xã Sa Pa chưa có ga tập kết rác;... đã ảnh hưởng trực tiếp đến quá trình triển khai thực hiện nhiệm vụ. Trước tình hình đó, HĐQT và Ban Giám đốc Công ty đã có những giải pháp, biện pháp tiết kiệm tối đa mọi chi phí; tăng cường công tác quản lý, chỉ đạo và điều hành; thay đổi phương thức tổ chức sản xuất; đẩy mạnh chuyển đổi số, tận dụng công nghệ số để truyền thông giới thiệu các sản phẩm dịch vụ của Công ty; phát huy sáng kiến, cải tiến kỹ thuật; đầu tư thêm phương tiện, thiết bị hiện đại để nâng cao năng suất, chất lượng dịch vụ; nâng cao hiệu quả hoạt động SXKD để hoàn thành vượt mức các chỉ tiêu kế hoạch đã đặt ra. Cụ thể một số chỉ tiêu sau:

Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh

Biểu 1.

Đơn vị tính: Triệu đồng.

STT	Chỉ tiêu	Kế hoạch năm 2021 (Điều chỉnh theo VB số 106/MTĐT ngày 23/6/2021 của Công ty)	Thực hiện năm 2021	Tỷ lệ thực hiện so với Kế hoạch năm 2021 (%)
1	Tổng doanh thu	120.000	130.253,82	108,54
2	Lợi nhuận trước thuế	9.816	11.039,30	112,046
3	Tổng lợi nhuận sau thuế để phân phối	8.616	9.487,51	110,12
4	Trích lập các quỹ	3.767	4.147,94	110,12
a	Quỹ đầu tư phát triển (25% LNST)	2.154	2.371,87	110,12
b	Quỹ khen thưởng, phúc lợi của NLĐ	1.613	1.776,06	110,12
-	Quỹ khen thưởng, phúc lợi của NLĐ	1.513	1.665,06	110,12
-	Quỹ thưởng của Người quản lý	100	111,00	110,12
5	Lợi nhuận sau thuế để chia cổ tức	4.849	5.339,57	110,12
6	Tỷ lệ chia cổ tức dự kiến (%)	11,63	12,80	110,12
7	Nộp ngân sách nhà nước	8.000	9.828,66	122,86

Kết quả SXKD năm 2021 đều đạt và vượt so với kế hoạch đã đề ra, cụ thể: Doanh thu đạt 108,54% so với kế hoạch năm 2021 và tăng 5,43% so với thực hiện năm 2020; lợi nhuận trước thuế đạt 112,046% so với kế hoạch năm 2021 và tăng 11,5% so với thực hiện năm 2020; nộp ngân sách đạt 122,86% so với kế hoạch năm 2021 và tăng 6,54% so với thực hiện năm 2020.

Tình hình tài chính: Công ty quản lý tài sản hiệu quả, bảo toàn và phát triển được vốn, có khả năng thanh toán các khoản nợ; tăng cường chỉ đạo thực hành tiết kiệm chống lãng phí; tích cực công tác đối chiếu, thu hồi công nợ. Công tác tài chính kế toán được lãnh đạo Công ty quan tâm chỉ đạo thực hiện theo đúng quy định của Luật kế toán và chế độ kế toán doanh nghiệp hiện hành.

2. Tổ chức và nhân sự

2.1. Danh sách Ban điều hành

Biểu 2.

TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Chức vụ hiện nay	Trình độ chuyên môn	Số cổ phần có quyền biểu quyết			
					Tổng số	Trong đó		Tỷ lệ %
						Cổ phần cá nhân	Cổ phần Nhà nước	
1	Phạm Văn Tân	24/7/1961	Chủ tịch HĐQT công ty miễn nhiệm ngày 08/6/2021	Kỹ sư Mô địa chất	2.163.299	36.000	2.127.299	51,86
			Thành viên HĐQT chuyên trách từ ngày 08/6 đến ngày 30/10/2021		36.000	36.000	0,86	
			Thành viên HĐQT không điều hành từ ngày 01/11/2021		36.000	36.000	0,86	
2	Ngô Văn Trường	21/10/1971	Thành viên HĐQT, Giám đốc Công ty miễn nhiệm ngày 08/6/2021	Kỹ sư Trồng trọt	16.900	16.900		0,41
			Chủ tịch HĐQT công ty, Người đại diện phần vốn NN bổ nhiệm từ ngày 08/6/2021		2.144.199	16.900	2.127.299	51,4

3	Trần Quang Toàn	25/3/1979	Thành viên HĐQT, PGĐ Công ty bổ nhiệm ngày 16/3/2021 và bổ nhiệm PGĐ, phụ trách Công ty ngày 16/6/2021	Kỹ sư Lâm học; kỹ sư Xây dựng	11.400	11.400		0,27
4	Hoàng Văn Phụng	05/11/1964	Thành viên HĐQT, Phó Giám đốc công ty bổ nhiệm lại ngày 08/6/2021	Cử nhân Kinh tế	15.744	15.744		0,38
5	Phạm Văn Tiên	24/8/1967	Thành viên HĐQT, Phó Giám đốc công ty bổ nhiệm ngày 25/6/2021	Cử nhân Kinh tế	8.844	8.844		0,21
6	Đặng Văn Giáp	29/01/1973	Thành viên HĐQT bổ nhiệm ngày 08/6/2021, Kế toán trưởng bổ nhiệm lại ngày 16/6/2021	Cử nhân Kinh tế	16.544	16.544		0,40
7	Đặng Anh Tuấn	20/8/1979	Thành viên HĐQT không điều hành bổ nhiệm ngày 08/6/2021	Cử nhân Quản lý Xã hội.	7.944	7.944		0,19

2.2. Danh sách Ban Kiểm soát Công ty: 03 người.

TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Chức vụ hiện nay	Trình độ chuyên môn	Số cổ phần có quyền biểu quyết			
					Tổng số	Trong đó		Tỷ lệ %
						Cổ phần cá nhân	Cổ phần Nhà nước	
1	Đào Thị Minh Thủy	05/7/1978	Trưởng BKS, bổ nhiệm lại ngày 08/6/2021	Cử nhân Kinh tế	9.000	9.000	0,22	
2	Cao Xuân Hoàng	01/12/1978	Thành viên BKS, bổ nhiệm ngày 08/6/2021	KS Lâm nghiệp; KS Xây dựng	20.016	20.016	0,48	
3	Lê Thị Thuận	19/5/1978	Thành viên BKS, bổ nhiệm lại ngày 08/6/2021	Cử nhân Kinh tế	5.400	5.400	0,12	

2.3. Những thay đổi trong Ban điều hành:

Trong năm, số người quản lý công ty chuyên trách có sự biến động do bộ máy lãnh đạo quản lý của công ty nhiệm kỳ 2016 - 2021 đã hết nhiệm kỳ, Công ty đã tiến hành bầu lại bộ máy lãnh đạo quản lý nhiệm kỳ 2021 - 2026 theo đúng quy định. Số người quản lý công ty chuyên trách năm 2021 như sau:

TT	Họ và tên	Chức danh	Thời điểm giữ chức danh
1	Phạm Văn Tân	Chủ tịch HĐQT	Miễn nhiệm ngày 08/6/2021
		Thành viên HĐQT chuyên trách	Từ ngày 08/6/2021 đến ngày 30/10/2021
2	Ngô Văn Trường	Thành viên HĐQT, Giám đốc công ty	Miễn nhiệm ngày 08/6/2021
		Chủ tịch HĐQT	Từ ngày 08/6/2021
3	Trần Quang Toàn	Thành viên HĐQT Phó Giám đốc	Từ ngày 16/3/2021 đến ngày 15/6/2021
		Thành viên HĐQT, Phó Giám đốc phụ trách Công ty	Bổ nhiệm ngày 16/6/2021
4	Hoàng Văn Phụng	Thành viên HĐQT Phó Giám đốc công ty	Bổ nhiệm lại ngày 25/6/2021

5	Phạm Văn Tiên	Thành viên HĐQT, Phó Giám đốc công ty	Bổ nhiệm từ ngày 25/6/2021
6	Đào Thị Minh Thủy	Trưởng BKS công ty	Bổ nhiệm lại ngày 08/6/2021
7	Đặng Văn Giáp	Thành viên HĐQT	Từ ngày 08/6/2021
		Kế toán trưởng	Bổ nhiệm lại ngày 16/6/2021

Trong năm, số người quản lý công ty không chuyên trách có sự biến động do bộ máy lãnh đạo quản lý của công ty nhiệm kỳ 2016 - 2021 đã hết nhiệm kỳ, Công ty đã tiến hành bầu lại bộ máy lãnh đạo quản lý nhiệm kỳ 2021 - 2026 theo đúng quy định. Số người quản lý công ty không chuyên trách năm 2021 như sau:

TT	Họ và tên	Chức danh	Thời điểm
1	Phạm Văn Tân	Thành viên HĐQT	Từ ngày 01/11/2021
2	Trần Quang Toàn	Thành viên HĐQT	Miễn nhiệm ngày 15/3/2021
3	Bùi Văn Tốt	Thành viên HĐQT	Miễn nhiệm ngày 08/6/2021
4	Đặng Anh Tuấn	Thành viên HĐQT	Từ ngày 08/6/2021
5	Phạm Văn Tiên	Thành viên BKS	Miễn nhiệm ngày 08/6/2021
		Thành viên HĐQT	Từ ngày 08/6/2021
6	Cao Xuân Hoàng	Thành viên BKS	Từ ngày 08/6/2021
7	Lê Thị Thuận	Thành viên BKS	Từ ngày 08/6/2021

2.4. Số lượng cán bộ, công nhân viên

a) Số lượng lao động tại thời điểm 31/12/2021

Biểu 4.

TT	Tiêu chí	Số lượng người	Tỷ trọng (%)
I	Trình độ lao động:	597	
1	Đại học, trên đại học	68	11,40
2	Cao đẳng, trung cấp	18	3,01
3	Sơ cấp, công nhân kỹ thuật	26	4,35

4	Lao động phổ thông	485	81,24
II	Giới tính	597	
1	Nam	203	34,0
2	Nữ	394	66,0

b) Chính sách đối với người lao động

- Về tiền lương, tiền thưởng

Việc trả lương, trả thưởng được quy định trong Quy chế trả lương, trả thưởng của Công ty và theo mức độ hoàn thành, mức độ phức tạp của công việc và theo khoán sản phẩm. Hàng năm, căn cứ các quy định của pháp luật về lao động, kế hoạch sản xuất kinh doanh và tình hình thực tế Công ty sẽ tiếp tục xây dựng và hoàn thiện Quy chế trả lương, trả thưởng dựa trên năng suất, chất lượng, hiệu quả công việc nhằm động viên, khuyến khích người lao động phát huy tính chủ động, sáng tạo và trách nhiệm trong thực hiện nhiệm vụ được giao.

Thu nhập bình quân của Người lao động năm 2021 đạt 9,6 triệu đồng/người/tháng và năm 2020 đạt 9,06 triệu đồng/người/tháng.

- Về công tác đào tạo

Công tác đào tạo để nâng cao trình độ cho người lao động, đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ luôn được Công ty quan tâm tổ chức thực hiện theo đúng kế hoạch. Trong năm, Mặc dù công tác đào tạo, huấn luyện thực hiện trong thời điểm dịch COVID-19 diễn biến phức tạp nhưng các giảng viên và học viên tham gia luôn tuân thủ yêu cầu phòng chống dịch, Công ty đã tổ chức cho 100% CBCNV tham gia đầy đủ các lớp tập huấn về ATVSLĐ theo yêu cầu công việc và tổ chức đào tạo cho 104 lao động nâng cao trình độ tay nghề, hướng dẫn về kỹ thuật chuyên môn, an toàn lao động cho người lao động trong quá trình làm việc, đặc biệt là những lao động mới tuyển dụng, đã góp phần nâng cao trình độ về chuyên môn nghiệp vụ cho người lao động đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ được giao.

- Công tác đời sống đối với CBCNV

Công ty đã thực hiện đầy đủ, kịp thời, đúng chế độ chính sách đối với người lao động theo quy định của pháp luật; luôn đảm bảo người lao động có việc làm và thu nhập ổn định; cải thiện điều kiện làm việc, nâng cao thu nhập cho người lao động; quan tâm đến đời sống vật chất, tinh thần cho CBCNV, như: Người lao động làm việc trong Công ty đều được ký kết hợp đồng lao động, được trang cấp đầy đủ bảo hộ lao động và tham gia chế độ BHXH, BHYT, BHTN, lễ, tết phép, ốm đau, nghỉ chế độ; tổ chức khám sức khỏe định

kỳ và thực hiện bồi dưỡng độc hại bằng hiện vật cho người lao động theo đúng quy định; tổ chức thăm hỏi động viên kịp thời người lao động khi ốm đau hay gặp khó khăn trong cuộc sống. Đồng thời, công ty luôn tạo điều kiện cho người lao động tham gia các hoạt động VHVN, TDTT; tặng quà cho nữ CBCNV ngày Quốc tế phụ nữ 08/3 và ngày Phụ nữ Việt Nam 20/10; tặng quà cho con CBCNV nhân ngày Quốc tế Thiếu nhi 01/6 và ngày Tết Trung thu hàng năm,... Từ đó đã tạo không khí vui tươi, phấn khởi, xây dựng tinh thần đoàn kết nội bộ và thúc đẩy người lao động thêm yêu ngành, yêu nghề, yên tâm công tác, cống hiến lâu dài cho Công ty.

3. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án

a) Các khoản đầu tư lớn trong năm

Trong năm, Công ty đã triển khai đầu tư xây dựng, mua sắm phương tiện, thiết bị đảm bảo phù hợp với tình hình, đáp ứng được yêu cầu nhiệm vụ và luôn thực hiện đảm bảo theo đúng quy định hiện hành.

- Kết quả các khoản đã đầu tư lớn trong năm:

Đơn vị tính: Triệu đồng.

TT	Nội dung	Tổng mức đầu tư	Đã đầu tư đến 31/12/2020	KH đầu tư năm 2021	Kết quả đầu đến hết ngày 31/12/2021
1	Nâng cấp, cải tạo trụ sở Xí nghiệp Môi trường Sa Pa	9.119	2.596,3	6.400	5.991,07
2	Mua mới 01 xe ô tô tang lễ			1.500	1.456,18
3	Đầu tư ga tập kết rác (05 cái); xe ép rác và xe nâng hạ			8.100	8.072,48
4	Các đầu tư khác			500	142,35
5	Đầu tư hệ thống vườn ươm cây xanh đô thị			200	
	Tổng cộng:			16.700	15.662,08

b) Các công ty con, công ty liên kết: Không có.

4. Tình hình Tài chính

a) Tình hình tài chính

Biểu 5.

TT	Chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2020	Năm 2021	Tăng giảm%
1	Tổng giá trị tài sản	Đồng	185.259.831.829	83.911.849.165	45,29
2	Doanh thu thuần	Đồng	122.595.316.819	129.732.947.845	105,82
3	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	Đồng	9.920.939.607	11.104.396.851	111,93
5	Lợi nhuận khác	Đồng	-19.293.605	-65.089.878	337,37
6	Lợi nhuận trước thuế	Đồng	9.901.646.002	11.039.306.973	111,49
7	Lợi nhuận sau thuế	Đồng	8.872.987.272	9.487.511.519	106,93
8	Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức	%	15,39	12,80	83,17

b) Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

Biểu 6.

Chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2020	Năm 2021
Chỉ tiêu về khả năng thanh toán			
Hệ số thanh toán ngắn hạn	Lần	2,891	1,805
Hệ số thanh toán nhanh	Lần	2,785	1,710
Chỉ tiêu về cơ cấu vốn			
Hệ số nợ/Tổng tài sản	%	18,412	37,125
Hệ số nợ/Vốn chủ sở hữu	%	22,567	71,992
Chỉ tiêu về năng lực hoạt động			
Giá vốn hàng bán/Hàng tồn kho bình quân	vòng	37,478	37,163
Doanh thu thuần/Tổng tài sản	vòng	0,662	1,546
Chỉ tiêu về khả năng sinh lời			
Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	%	7,238	7,313
Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu	%	5,870	21,92

Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản	%	4,789	11,307
Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/ Doanh thu thuần	%	8,092	8,559

5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu

a) Cổ phần:

- Tổng số cổ phần đang lưu hành: 4.171.175 cổ phần.
- Loại cổ phần đang lưu hành: Phổ thông.
- Số lượng cổ phần tự do chuyển nhượng: 3.023.293 cổ phần.
- Số lượng cổ phần bị hạn chế chuyển nhượng: 1.147.882 cổ phần.

b) Cơ cấu cổ đông của Công ty

Biểu 7.

TT	Loại cổ đông	Số lượng cổ phần	Tỷ lệ (%)
1	Cổ đông trong nước	4.171.175	100
1.1	Cổ đông tổ chức	2.419.281	58
-	<i>Ủy ban nhân dân tỉnh Lào Cai</i>	<i>2.127.299</i>	<i>51</i>
-	<i>Công ty Cổ phần Tập đoàn Ô tô Hiệp Hòa</i>	<i>291.982</i>	<i>7</i>
1.2	Cổ đông cá nhân	1.751.894	42
2	Cổ đông nước ngoài	0	0
3	Tổng cộng	4.171.175	100

c) Tình hình thay đổi vốn đầu tư chủ sở hữu: Không.

d) Giao dịch cổ phiếu quỹ: Không.

e) Các chứng khoán khác: Không.

6. Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của Công ty

6.1. Quản lý nguồn nguyên vật liệu: Công ty luôn sử dụng nguồn vật liệu theo đúng quy định, đúng chỉ tiêu từng hạng mục công trình, đảm bảo về số lượng, chất lượng.

6.2. Tiêu thụ năng lượng: Công ty làm tốt công tác quản lý, vận hành hệ thống điện chiếu sáng công cộng, điện trang trí trên địa bàn thành phố Lào Cai, thị xã Sa Pa, huyện Bắc Hà và huyện Bát Xát theo đúng Phương án của tỉnh; luôn có kế hoạch tiết giảm hợp lý theo từng khu vực và thời gian, đảm bảo an

toàn cho hoạt động của người dân, đảm bảo ANTT, TTATXH và đảm bảo mỹ quan đô thị, đồng thời tiết kiệm chi phí từ ngân sách cho địa phương. Trong hoạt động sản xuất kinh doanh công ty luôn quán triệt đến CBCNV nêu cao ý thức, trách nhiệm trong việc sử dụng tiết kiệm, có hiệu quả nguồn năng lượng; đầu tư lựa chọn thiết bị hiện đại, tiêu hao ít năng lượng thay thế dần cho thiết bị lạc hậu, kém hiệu quả từ đó đã góp phần giảm chi phí sản xuất, tăng năng suất, chất lượng công việc và sử dụng tiết kiệm, có hiệu quả nguồn năng lượng.

6.3. Tiêu thụ nước: Nguồn nước phục vụ cho hoạt động tại các địa điểm văn phòng làm việc sử dụng nước máy của Công ty Cổ phần Cấp nước tỉnh Lào Cai cung cấp; nguồn nước phục vụ rửa đường, tưới cây xanh đô thị Công ty sử dụng nguồn nước giếng với sự quản lý, kiểm tra, giám sát chặt chẽ theo đúng quy định, đảm bảo tiết kiệm, hiệu quả.

6.4. Tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường: Công ty luôn đặt mục tiêu bảo vệ môi trường lên hàng đầu, luôn tuân thủ nghiêm ngặt các quy định giữ gìn và bảo vệ môi trường theo quy định.

a) Số lần bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường: 0 (không).

b) Tổng số tiền do bị xử phạt do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường: 0 (không).

6.5. Chính sách liên quan đến người lao động

a) Số lượng lao động

- Tổng số lao động 597 người. Trong đó, nữ 394 người, nam 203 người.

- Mức lương bình quân năm 2021 đạt 9,6 triệu đồng/người/tháng.

b) Chính sách lao động liên quan đến người lao động

Được quy định cụ thể trong nội quy, quy chế, thỏa ước lao động tập thể của Công ty. Trong năm, tổ chức khám sức khỏe định kỳ cho người lao động theo quy định; thực hiện chế độ bồi dưỡng độc hại bằng hiện vật; trang cấp đầy đủ phương tiện bảo vệ cá nhân theo quy định; tổ chức kèm cặp bổ sung kiến thức, tay nghề nâng bậc lương, tổ chức huấn luyện ATVSLĐ theo định kỳ hàng năm; giải quyết, chi trả kịp thời các chế độ ốm đau, thai sản, nghỉ lễ, tết, phép và trợ cấp khó khăn cho người lao động; tổ chức thăm hỏi, tặng quà cho gia đình khó khăn, gia đình chính sách, các cháu tật nguyền và thăm hỏi hiếu, hỉ, ốm đau kịp thời đến người lao động.

c) Hoạt động đào tạo người lao động: Trong năm 2021 Công ty đã tổ chức cho 100% CBCNV tham gia đầy đủ các lớp tập huấn về ATVSLĐ theo yêu cầu công việc và tổ chức đào tạo cho 104 lao động nâng cao trình độ tay nghề, hướng dẫn về kỹ thuật chuyên môn, an toàn lao động cho người lao động trong

quá trình làm việc, đặc biệt là những lao động mới tuyển dụng. Ngoài ra, cán bộ, nhân viên của các phòng, ban cũng thường xuyên được cử đi học các khóa bồi dưỡng nghiệp vụ, tay nghề; tham dự các hội thảo, hội nghị nhằm nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ được giao.

6.6. Báo cáo liên quan đến trách nhiệm đối với cộng đồng địa phương: Trong năm, Công ty đã tích cực tham gia công tác chính sách - xã hội và đền ơn đáp nghĩa như: Tổ chức tặng quà cho gia đình chính sách, gia đình có hoàn cảnh khó khăn, gia đình có con bị tật nguyền trong dịp Lễ, Tết; thực hiện giúp đỡ xã Bản Liền, huyện Bắc Hà trong chương trình giúp đỡ xã xây dựng nông thôn mới và giảm nghèo bền vững; tham gia quyên góp, ủng hộ quỹ nhân đạo, quỹ đền ơn đáp nghĩa, ngày vì người nghèo, quỹ học bổng khôi thi đua, hỗ trợ người lao động trong đơn vị có hoàn cảnh khó khăn,... với tổng số tiền là 574,4 triệu đồng.

III. Báo cáo và đánh giá của Ban Giám đốc

1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh

a) Phân tích tổng quan

Trên cơ sở số liệu báo cáo tài chính và kết quả hoạt động SXKD của Công ty (được tóm tắt tại biểu 1) cùng các chỉ tiêu tài chính đạt được (biểu 5), Công ty đã thực hiện hoàn thành vượt mức các chỉ tiêu kế hoạch đã đề ra. Ban Giám đốc Công ty đưa ra một số ý kiến đánh giá như sau:

Chỉ tiêu đạt được đều vượt với kế hoạch đề ra và tăng hơn thực hiện năm trước, cụ thể: Doanh thu đạt 108,54% so với kế hoạch năm 2021 và tăng 5,43% so với thực hiện năm 2020; lợi nhuận trước thuế đạt 112,046% so với kế hoạch năm 2021 và tăng 11,5% so với thực hiện năm 2020; nộp ngân sách đạt 122,86% so với kế hoạch năm 2021 và tăng 6,54% so với thực hiện năm 2020.

- Các chỉ tiêu kinh tế đạt được cho thấy tình hình quản trị doanh nghiệp tốt, hoạt động SXKD của Công ty đạt hiệu quả và vượt chỉ tiêu, kế hoạch đã đề ra, bảo toàn vốn chủ sở hữu của doanh nghiệp.

b) Những tiến bộ Công ty đã đạt được

Trong năm qua, Công ty đã thực hiện tốt công tác phòng chống dịch Covid-19 đảm bảo hoạt động sản xuất kinh doanh diễn ra đúng kế hoạch; tập trung sắp xếp lao động hợp lý, đầu tư bổ sung phương tiện thiết bị, nhân vật lực, cải thiện điều kiện làm việc, tăng cường công tác quản lý điều hành, kiểm tra, giám sát..., đẩy mạnh chuyên đổi số, thúc đẩy tính sáng tạo, tinh thần trách nhiệm và phát huy sáng kiến, cải tiến kỹ thuật trong mỗi CBCNV, tăng cường đầu tư trang thiết bị hiện đại và ứng dụng công nghệ trong công tác quản lý, điều hành

như: Giải pháp chuyển đổi số trong công tác quản lý hoạt động thu gom, vận chuyển rác thải sinh hoạt trên địa bàn tỉnh Lào Cai; quản lý hệ thống điện chiếu sáng công cộng trên địa bàn thành phố Lào Cai; thanh toán không dùng tiền mặt (Viettel Pay) trong công tác thu giá dịch vụ thu gom, vận chuyển rác thải sinh hoạt; tăng cường quảng bá sản phẩm dịch vụ trên mạng xã hội, trang thông tin điện tử của Công ty,... nhằm nâng cao công tác quản lý điều hành, năng suất lao động; giảm chi phí vận hành, tạo lợi thế cạnh, cải thiện chất lượng dịch vụ từ việc xử lý kịp thời các thông báo, khiếu nại từ người dân,... Từ đó, chất lượng công tác môi trường đô thị tại các địa bàn Công ty đảm nhận luôn được duy trì đảm bảo; tạo đủ việc làm cho người lao động, đảm bảo 100% người lao động có việc làm và thu nhập ổn định; thực hiện đầy đủ, kịp thời chế độ chính sách cho người lao động giúp người lao động yên tâm công tác, luôn phấn đấu hoàn thành và hoàn thành vượt mức các chỉ tiêu, kế hoạch đã đề ra.

- Hoạt động kinh doanh: Công ty đã đầu tư thêm phương tiện, thiết bị; tăng cường chỉ đạo, điều hành, quản lý, giám sát thi công nên các công trình do công ty thực hiện luôn đảm bảo tiến độ và chất lượng theo yêu cầu, như: Cải tạo, trồng bổ sung cây xanh đô thị trên DPC, vỉa hè đường Trần Hưng Đạo, đường 1/5 thành phố Lào Cai năm 2021; hạng mục: Tháo dỡ hệ thống điện chiếu sáng và đánh chuyển, chặt hạ cây xanh; Cải tạo, sửa chữa, trang trí một số hạng mục để phục vụ Tết Nguyên đán và các sự kiện chính trị của thành phố năm 2022; Sửa chữa, thay thế một số hạng mục, thiết bị của Nhà máy xử lý rác thải sinh hoạt thành phố Lào Cai; Nạo vét hệ thống thoát nước trên địa bàn thành phố Lào Cai; Sửa chữa hệ thống điện chiếu sáng công cộng, trang trí, tín hiệu giao thông trên địa bàn thành phố Lào Cai, thị xã Sa Pa, huyện Bát Xát và huyện Bắc Hà; Vệ sinh, sửa chữa, thay thế vật tư, thiết bị hư hỏng tại Đài phun nước khu đô thị Lào Cai - Cam Đường; Cải tạo chỉnh trang thay thế cây xanh khu vực trụ sở Huyện ủy, trụ sở UBND huyện, nhà khách UBND huyện Bát Xát;... Đồng thời, duy trì các hợp đồng dịch vụ chăm sóc cây xanh các trụ sở hợp khối, Trung tâm Hội nghị tỉnh, Đài tưởng niệm tỉnh, công viên Hồ Chí Minh,...; ươm trồng cây chủ động nguồn giống cung ứng sản phẩm cây giống chất lượng phục vụ việc duy trì cảnh quan đô thị và đáp ứng yêu cầu của thị trường; duy trì các hợp đồng dịch vụ vận chuyển xử lý rác thải cho các cơ quan đơn vị, doanh nghiệp và khu du lịch Cấp treo Fanxipan; duy trì các dịch vụ như tang lễ, hút phốt, vệ sinh công sở, cơ khí sửa chữa; bán sản phẩm Phân Hữu Cơ Lào Cai; tận dụng công nghệ số (Website, Zalo, Facebook, Youtube,...) để giới thiệu và bán hàng trực tuyến các sản phẩm, dịch vụ của Công ty... Từ đó đã tạo thêm việc làm, tăng thêm thu nhập cho người lao động và đóng góp vào kết quả SXKD của Công ty.

- Từng bước xây dựng và hoàn thiện hệ thống văn bản quản trị nội bộ phù hợp với quy định của pháp luật hiện hành và tình hình thực tế tại doanh nghiệp nhằm tăng cường công tác quản lý, điều hành doanh nghiệp hoạt động theo đúng quy định của pháp luật và đạt hiệu quả.

- Từng bước nâng cao chất lượng nguồn nhân lực thông qua công tác đào tạo, tập huấn, bồi dưỡng kiến thức cho người lao động về trình độ chuyên môn nghiệp vụ, góp phần nâng cao hiệu quả hoạt động của doanh nghiệp.

2. Tình hình tài chính

a) Tình hình tài sản

Biểu 9.

Chỉ tiêu	31/12/2020		31/12/2021		% tăng/ giảm
	Giá trị (VNĐ)	Tỷ trọng (%)	Giá trị (VNĐ)	Tỷ trọng (%)	
Tài sản ngắn hạn	76.465.598.165	41,27	56.239.935.114	67,02	-26,45
Tiền và các khoản tương đương tiền	24.919.873.429	13,45	17.971.394.157	21,42	
Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn					
Các khoản phải thu ngắn hạn	48.759.106.236	26,32	35.311.769.280	42,08	
Hàng tồn kho	2.786.618.500	1,50	2.956.771.677	3,52	
Tài sản ngắn hạn khác					
Tài sản dài hạn	108.794.233.664	58,73	27.671.914.051	32,98	-74,56
Các khoản phải thu dài hạn					
Tài sản cố định	105.613.213.457	57,01	26.655.380.490	31,77	
Bất động sản đầu tư					
Tài sản dở dang dài hạn	2.636.507.278	1,42	0	0,00	
Đầu tư tài chính dài hạn					
Tài sản dài hạn khác	544.512.929	0,29	1.016.533.561	1,21	
Tổng tài sản	185.259.831.829	100,00	83.911.849.165	100,00	-54,71

b) Tình hình nợ phải trả

Biểu 10.

Chỉ tiêu	Năm 2020		Năm 2021		% tăng/ giảm
	Giá trị (VNĐ)	Tỷ trọng (%)	Giá trị (VNĐ)	Tỷ trọng (%)	
Nợ ngắn hạn	26.453.793.024	77,55	31.152.239.631	100	
Nợ dài hạn	7.656.493.524	22,45	0	0	
Tổng nợ phải trả	34.110.286.548	100,00	31.152.239.631	100,00	-8,67

Cơ cấu nợ ngắn hạn

Chỉ tiêu	Năm 2020		Năm 2021	
	Giá trị (VNĐ)	Tỷ trọng (%)	Giá trị (VNĐ)	Tỷ trọng (%)
Phải trả cho người bán ngắn hạn	2.717.750.076	10,27	6.435.770.163	20,66
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	66.120.000	0,25	76.720.000	0,25
Thuế và các khoản khác phải nộp nhà nước	2.143.276.747	8,10	3.099.419.638	9,95
Phải trả người lao động	18.508.207.300	69,96	17.780.865.133	57,08
Phải trả ngắn hạn khác	56.784.127	0,21	509.227.601	1,63
Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	1.020.865.804	3,86	0	0,00
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	1.940.788.970	7,34	3.250.237.096	10,43
Tổng Nợ ngắn hạn	26.453.793.024	100	31.152.239.631	100,00

3. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý

- Để đạt được kết quả như đã trình bày trên, Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc Công ty đã có định hướng đúng trong chiến lược SXKD, đồng thời chú trọng việc cải tiến hệ thống quản lý, ổn định tổ chức nhằm phù hợp điều kiện và tình hình thực tế tại Công ty.

- Tăng cường công tác đào tạo bồi dưỡng lý luận chính trị, chuyên môn nghiệp vụ, trình độ kỹ thuật, tay nghề cho người lao động; khuyến khích áp

dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật vào SXKD và công tác điều hành, tuân thủ các nguyên tắc cơ bản, linh hoạt trong quá trình thực hiện.

4. Kế hoạch phát triển trong tương lai

- Về sản xuất kinh doanh: Tiếp tục duy trì và phát triển các ngành nghề SXKD đã đăng ký và đang thực hiện. Cơ cấu, lựa chọn ngành nghề sản xuất kinh doanh phù hợp, chú trọng những ngành nghề mà Công ty có thế mạnh như vệ sinh môi trường, cây xanh, điện chiếu sáng, thoát nước đô thị, xử lý rác thải và các dịch vụ khác. Nâng cao chất lượng sản phẩm, giữ vững uy tín và địa bàn đang hoạt động, khách hàng của Công ty, từng bước mở rộng địa bàn hoạt động và tìm kiếm thêm khách hàng, đối tác khi có đủ điều kiện.

- Về quản lý tài chính: Tiếp tục hoàn thiện năng lực quản lý tài chính của Công ty, quản lý tốt các nguồn đầu tư, sử dụng các công cụ phân tích, dự báo phục vụ cho công tác hoạch định kinh doanh, nâng cao hiệu quả sử dụng vốn.

- Về tổ chức bộ máy hoạt động: Duy trì ổn định cơ cấu bộ máy tổ chức hoạt động phù hợp với tình hình hoạt động của đơn vị, tiếp tục củng cố xây dựng đội ngũ CBCNV có đủ trình độ đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ, đoàn kết thống nhất, yêu ngành yêu nghề, tận tâm vì mục tiêu phát triển đơn vị.

5. Giải trình của Ban giám đốc với ý kiến của kiểm toán: Không có.

6. Báo cáo đánh giá liên quan đến trách nhiệm về môi trường và xã hội của Công ty

a) Đánh giá liên quan đến các chỉ tiêu môi trường

Phát triển kinh tế gắn với bảo vệ môi trường là một trong những vấn đề quan trọng và ưu tiên bậc nhất đối với bất cứ Quốc gia, dân tộc nào trên thế giới. Mối quan hệ giữa phát triển kinh tế và bảo vệ môi trường cũng được Đảng và Nhà nước đặc biệt quan tâm. Hướng đến mục tiêu phát triển bền vững, Công ty Cổ phần Môi trường Đô thị tỉnh Lào Cai đang ngày một cải thiện, nâng cao chất lượng dịch vụ công ích đô thị là một trong những nội dung ưu tiên hàng đầu trong sự phát triển lâu dài của Công ty. Trong quá trình hoạt động, Lãnh đạo cùng toàn thể cán bộ công nhân viên của Công ty luôn xem công tác bảo vệ môi trường là công việc cấp thiết, cần được ưu tiên hàng đầu bằng việc thực hiện các công tác như: Ứng dụng công nghệ trong công tác giám sát phân loại rác thải sinh hoạt tại nguồn; sử dụng tiết kiệm nguồn nguyên vật liệu cho mỗi công trình thông qua việc tăng cường kiểm tra chất lượng nguồn nguyên liệu đầu vào, tránh sử dụng nguồn nguyên liệu đầu vào chất lượng thấp, sử dụng nguyên liệu một cách hợp lý, tiết kiệm; quản lý và xử lý nước thải từ công trình, sử dụng hiệu quả và tiết kiệm tài nguyên thiên nhiên như điện, giấy, nước... Ngoài ra, Công ty còn đặt ra các mục tiêu môi trường cho từng đơn vị bộ phận tạo tiền đề cho sự phát triển bền vững thân thiện với môi trường.

b) Đánh giá liên quan đến vấn đề người lao động

Công ty thực hiện nghĩa vụ của người sử dụng lao động theo đúng quy định của Luật lao động. Tổ chức thực hiện tốt Thỏa ước lao động tập thể, các nội quy, quy chế liên quan đến người lao động; thực hiện đảm bảo quyền lợi hợp pháp của người lao động theo quy định. Công tác chăm lo cho đời sống vật chất, tinh thần cho người lao động luôn được tập trung chú trọng; người lao động luôn được bố trí đủ việc làm, được giải quyết, chi trả đầy đủ chế độ chính sách theo quy định hiện hành như: Người lao động được ký kết hợp đồng lao động, được trang cấp đầy đủ bảo hộ lao động, đặc biệt là trong công tác phòng chống dịch Covid-19 Công ty đã trang cấp khẩu trang, kính chắn giọt bắn, quần áo phòng dịch,... Chế độ BHXH, BHYT, BHTN, lễ, tết, phép, ốm đau luôn được chi trả kịp thời, đúng quy định; tổ chức khám sức khỏe định kỳ và thực hiện bồi dưỡng độc hại bằng hiện vật cho người lao động theo đúng quy định; tổ chức thăm hỏi động viên kịp thời người lao động khi ốm đau hay gặp khó khăn trong cuộc sống. Đồng thời, công ty luôn tạo điều kiện cho người lao động tham gia các hoạt động VHVN, TDTT; tổ chức tặng quà cho nữ CBCNV nhân ngày Quốc tế Phụ nữ 08/3 và ngày Phụ nữ Việt Nam 20/10; tổ chức tặng quà cho con CBCNV nhân ngày Quốc tế Thiếu nhi 01/6 và ngày Tết Trung thu..., tuyên truyền vận động CBCNV tích cực tham gia công tác từ thiện, quyên góp, ủng hộ các loại quỹ do các cấp phát động,... Từ đó đã tạo không khí vui tươi, phấn khởi, xây dựng tinh thần đoàn kết nội bộ và thúc đẩy người lao động thêm yêu ngành, yêu nghề, yên tâm công tác, cống hiến lâu dài cho Công ty.

c) Đánh giá liên quan đến trách nhiệm cộng đồng và địa phương

Trong năm, Công ty đã triển khai nhiều hoạt động thiết thực để thực hiện các trách nhiệm của Công ty đối với cộng đồng và địa phương bằng các hoạt động từ thiện xã hội như: Giúp đỡ xã Bản Liên, huyện Bắc Hà xây dựng nông thôn mới và giảm nghèo bền vững; quyên góp, ủng hộ quỹ đền ơn đáp nghĩa, quỹ vì người nghèo, quỹ học bổng khối Thi đua; ủng hộ tết vì người nghèo, tết sum vầy; hỗ trợ người lao động có hoàn cảnh khó khăn xây dựng nhà ở,... Phát động các phong trào bảo vệ môi trường: Đồi rác thải nhựa lấy cây xanh; Giờ Trái đất; Chủ nhật xanh,...

IV. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Công ty

1. Đánh giá các mặt hoạt động của Công ty

Dưới sự chỉ đạo của HĐQT, sự điều hành của Ban Giám đốc, sự nỗ lực của tập thể người lao động trong Công ty đã phấn đấu và thực hiện hoàn thành vượt mức các chỉ tiêu kế hoạch được Đại hội đồng cổ đông năm 2021 đã đề ra (số liệu được tóm tắt tại Biểu 1), cụ thể:

Doanh thu đạt 108,54% so với kế hoạch năm 2021 và tăng 5,43% so với thực hiện năm 2020; lợi nhuận trước thuế đạt 112,046% so với kế hoạch năm

2021 và tăng 11,5% so với thực hiện năm 2020; nộp ngân sách đạt 122,86% so với kế hoạch năm 2021 và tăng 6,54% so với thực hiện năm 2020.

2. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Giám đốc

- Về công tác điều hành

Giám đốc điều hành thực hiện nghiêm, có hiệu quả Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và các Nghị quyết của Hội đồng quản trị.

Hàng tháng, báo cáo HĐQT tình hình điều hành và kết quả SXKD thông qua cuộc họp Giao ban để có cơ sở đề xuất và xin ý kiến chỉ đạo của HĐQT về các vấn đề thuộc thẩm quyền của HĐQT theo quy định tại Điều lệ Công ty đề ra và phương hướng nhiệm vụ hàng tháng, quý.

Điều hành hoạt động của Công ty đúng quy định của Luật doanh nghiệp và Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty.

- Về sản xuất, kinh doanh

Ban Giám đốc đã điều hành hoạt động SXKD một cách linh hoạt, tích cực kịp thời, đảm bảo đúng quy định. Chỉ đạo hoàn thành vượt mức kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2021.

- Về chính sách đối với người lao động

Tuân thủ đúng các quy định của Nhà nước về chính sách đối với người lao động. Ưu tiên chăm lo đời sống của người lao động, nhất là lực lượng lao động trực tiếp theo hướng gia tăng lợi ích.

Quyền lợi của người lao động trong Công ty luôn được đảm bảo theo đúng quy định của Bộ Luật lao động được Công ty ký HĐLĐ; kê khai nộp đầy đủ, kịp thời bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp,... và đề nghị cơ quan bảo hiểm xã hội chi trả các chế độ cho người lao động được đảm bảo kịp thời, đúng quy định.

- Về chấp hành pháp luật: Chấp hành nghiêm chỉnh các quy định của pháp luật, thực hiện đúng Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty.

3. Kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị trong năm 2022

a) Một số chỉ tiêu kế hoạch cho năm 2022

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Thực hiện năm 2021	Kế hoạch năm 2022
1	Tổng doanh thu	Tr. đồng	130.253,83	132.000,00
2	Lợi nhuận trước thuế	Tr. đồng	11.039,31	10.000,00

3	Lợi nhuận sau thuế	Tr. đồng	9.487,51	8.500,00
4	Quỹ đầu tư phát triển (25% LNST)	Tr. đồng	2.371,88	2.125,00
5	Nộp ngân sách nhà nước	Tr. đồng	9.828	8.500
6	Thu nhập bình quân đầu người	Tr. đồng /người/tháng	9,6	8,8
7	Đầu tư mua sắm	Tr. Đồng	15.662,08	1.905,4
8	Tỷ lệ cổ tức	%	12,80	8,71

b) Nhiệm vụ trọng tâm năm 2022

- Thực hiện chương trình hoạt động của Hội đồng quản trị năm 2022, theo kế hoạch của Chủ tịch Hội đồng quản trị, sẽ tổ chức họp HĐQT mỗi quý 01 lần và họp bất thường khi cần thiết;

- Thực hiện tốt nhiệm vụ chính trị mà UBND tỉnh đã giao cho về lĩnh vực dịch vụ công ích đô thị trên địa bàn thành phố Lào Cai, thị xã Sa Pa, thị trấn Bắc Hà và thị trấn Bát Xát;

- Tiếp tục kiện toàn công tác tổ chức bộ máy, cán bộ theo hướng tinh gọn, phù hợp theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và HĐQT đã thông qua;

- Chỉ đạo và giám sát Ban Giám đốc Công ty thực hiện một số nhiệm vụ trọng tâm năm 2022, như sau:

+ Hoàn thành vượt mức các chỉ tiêu kế hoạch SXKD đã được Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022 thông qua và các nhiệm vụ khác liên quan đến hoạt động của Doanh nghiệp;

+ Tiếp tục triển khai tốt Đề án phân loại chất thải rắn sinh hoạt tại nguồn trên địa bàn thành phố Lào Cai, thị xã Sa Pa và thị trấn Bát Xát theo Quyết định số 4815/QĐ-UBND ngày 29/12/2015 của UBND tỉnh Lào Cai;

+ Tổ chức triển khai thu giá dịch vụ thu gom, vận chuyển rác thải sinh hoạt trên địa bàn thành phố Lào Cai, thị xã Sa Pa, thị trấn Bắc Hà và thị trấn Bát Xát đảm bảo theo kế hoạch giao;

+ Chủ động tìm kiếm thêm việc làm nhằm tăng doanh thu cho doanh nghiệp và đảm bảo thu nhập cho người lao động trên nguyên tắc đúng quy định pháp luật và có hiệu quả;

- + Đầu tư xây dựng lò đốt rác thải sinh hoạt trên địa bàn thành phố Lào Cai;
- + Đảm bảo an toàn vệ sinh lao động, phòng chống cháy nổ;
- + Đẩy mạnh chuyển đổi số, tăng cường đầu tư trang thiết bị hiện đại và ứng dụng công nghệ trong công tác quản lý, điều hành;
- + Rà soát, bổ sung, sửa đổi và hoàn thiện các quy định, các tập định mức, đơn giá nội bộ; khoán nhiên liệu cho các phương tiện vận chuyển,... để các quy định, các tập định mức, đơn giá nội bộ này thực sự là các công cụ quản lý hữu hiệu, nhằm nâng cao chất lượng, hiệu quả trong sản xuất kinh doanh.

V. Quản trị Công ty

1. Hội đồng quản trị

a) Thành viên và cơ cấu của Hội đồng quản trị nhiệm kỳ 2021-2026

TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Chức vụ hiện nay	Trình độ chuyên môn	Số cổ phần có quyền biểu quyết			Tỷ lệ %
					Tổng số	Trong đó		
						Cổ phần cá nhân	Cổ phần Nhà nước	
1	Ngô Văn Trường	21/10/1971	Chủ tịch HĐQT công ty, Người đại diện phần vốn NN	Kỹ sư Trồng trọt	2.144.199	16.900	2.127.299	51,4
2	Phạm Văn Tân	24/7/1961	Thành viên HĐQT không điều hành	Kỹ sư Mỏ địa chất	36.000	36.000		0,86
3	Trần Quang Toàn	25/3/1979	Thành viên HĐQT, PGĐ phụ trách Công ty	KS: Lâm học; KS Xây dựng	11.400	11.400		0,27
4	Hoàng Văn Phụng	05/11/1964	Thành viên HĐQT, Phó Giám đốc công ty	Cử nhân Kinh tế	15.744	15.744		0,38
5	Phạm Văn Tiên	24/8/1967	Thành viên HĐQT, Phó Giám đốc công ty	Cử nhân Kinh tế	8.844	8.844		0,21

6	Đặng Văn Giáp	29/01/1973	Thành viên HĐQT; Kế toán trưởng	Cử nhân Kinh tế	16.544	16.544	0,40
7	Đặng Anh Tuấn	20/8/1979	Thành viên HĐQT không điều hành	Cử nhân Quản lý Xã hội.	7.944	7.944	0,19

b) Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị: Không có.

c) Hoạt động của Hội đồng quản trị

Trong năm 2021, Hội đồng quản trị đã tổ chức 17 cuộc họp (11 cuộc họp trước Đại hội và 6 cuộc họp sau Đại hội) để giải quyết các vấn đề thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị.

Việc triệu tập, tham gia cuộc họp và tham gia ý kiến của các thành viên HĐQT thực hiện theo đúng quy định của pháp luật và Quy chế hoạt động của HĐQT. Trên cơ sở các ý kiến đồng ý của các thành viên về những vấn đề được nêu trong cuộc họp, HĐQT đã ban hành 15 Nghị quyết và 35 Quyết định.

Các cuộc họp Hội đồng quản trị:

STT	Thành viên HĐQT	Số buổi họp HĐQT tham dự	Tỷ lệ tham dự họp (%)	Lý do không tham dự họp
1	Ông Ngô Văn Trường	17	100	
2	Ông Trần Quang Toàn	17	100	
3	Ông Phạm Văn Tân	17	100	
4	Ông Hoàng Văn Phụng	16	94	Nghỉ có lý do 01 cuộc họp
5	Ông Đặng Văn Giáp	6	35	Thành viên HĐQT từ ngày 08/6/2021
6	Ông Phạm Văn Tiên	6	35	Thành viên HĐQT từ ngày 08/6/2021
7	Ông Đặng Anh Tuấn	6	35	Thành viên HĐQT từ ngày 08/6/2021

8	Ông Bùi Văn Tốt	8	47	Nghỉ có lý do 03 cuộc họp; miễn nhiệm thành viên HĐQT ngày 08/6/2021
---	-----------------	---	----	--

Các Nghị quyết/Quyết định của Hội đồng quản trị năm 2021

STT	Số Nghị quyết/Quyết định	Ngày	Nội dung	Tỷ lệ thông qua
A	Nghị quyết			
I	Trước Đại hội			
1	Số 01/NQ-HĐQT	20/01/2021	Thông nhất trích quỹ phúc lợi chỉ trong dịp Tết Nguyên đán 2021; chi tiền lương bổ sung trong dịp Tết nguyên đán 2021; Lựa chọn đơn vị kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2020; kiện toàn tổ thu giá dịch vụ,...	100%
2	Biên bản họp ngày 25/02/2021	25/02/2021	Thông nhất Báo cáo đánh giá tình hình thực hiện lao động, tiền lương, thù lao, tiền thưởng năm 2020.	100%
3	Số 03/NQ-HĐQT	08/3/2021	Thông nhất thời gian tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021.	100%
4	Số 04/NQ-HĐQT	16/3/2021	Bổ nhiệm Phó Giám đốc Công ty và các số liệu ghi trong Báo cáo tài chính năm 2020.	100%
5	Số 05/NQ-HĐQT	22/3/2021	Thông nhất kiện toàn công tác tổ chức, cán bộ tại một số phòng, đơn vị trực thuộc.	100%
6	Số 06/NQ-HĐQT	29/3/2021	Thông nhất thông qua nhân sự Xí nghiệp Môi trường Sa Pa.	100%
7	Số 07/NQ-HĐQT	02/4/2021	Thông nhất thông qua kết quả SXKD, phương án phân phối lợi nhuận năm 2020 và thông qua kế hoạch đầu tư mua sắm 2021.	100%
8	Số 08/NQ-HĐQT	20/4/2021	Thông nhất thời gian tổ chức Đại hội đồng cổ đông năm 2021.	100%
9	Số 09/NQ-HĐQT	17/5/2021	Thông nhất điều chỉnh KH SXKD, kế hoạch đầu tư mua sắm năm 2021.	90%
10	Biên bản cuộc họp ngày 20/5/2021	20/5/2021	Thông nhất một số nội dung chuẩn bị Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021; điều chỉnh Kế hoạch phân phối lợi nhuận năm 2021.	100%
11	Số 11/NQ-HĐQT	05/6/2021	Thông nhất giới thiệu danh sách các ứng viên đề Đại hội bầu thành viên HĐQT công ty, nhiệm kỳ 2021 - 2026.	100%

II	Sau Đại hội			
1	Số 12/NQ-HĐQT	08/6/2021	Họp phiên thứ nhất, thống nhất bầu Chủ tịch HĐQT công ty, nhiệm kỳ 2021 - 2026.	100%
2	Số 17/NQ-HĐQT	16/6/2021	Thống nhất giao nhiệm vụ và bổ nhiệm lại chức danh lãnh đạo quản lý Công ty; triển khai chi trả cổ tức năm 2020.	100%
3	Số 18/NQ-HĐQT	25/6/2021	Thống nhất kiện toàn công tác tổ chức, cán bộ.	100%
4	Số 20/NQ-HĐQT	20/7/2021	Thống nhất sửa đổi, bổ sung Quy chế công bố thông tin; Kế hoạch tuyển dụng lao động đợt 2/2021; Mức trích hỗ trợ thăm người lao động bị tai nạn lao động; hỗ trợ 50 triệu và 04 cặp thùng đựng rác cho xã Bản Liên, huyện Bắc Hà trong chương trình giúp đỡ xã xây dựng NTM 2021.	100%
5	21/NQ-HĐQT	01/9/2021	Sửa đổi, bổ sung Biểu số 05 tại Quyết định số 05/QĐ-HĐQT ngày 21/01/2020 của Công ty về điều chỉnh mức lương, tiền phụ cấp lương trong bảng lương, bảng phụ cấp lương của công ty.	100%
6	23/NQ-HĐQT	07/12/2021	Điều chức nguồn đầu tư xây dựng lò đốt rác thải sinh hoạt sang các đầu tư khác trong năm 2021.	100%
B	Quyết định của HĐQT			
1	03/QĐ-HĐQT	03/02/2021	Quyết định về việc phê duyệt điều chỉnh Dự toán XD và KH lựa chọn nhà thầu gói thầu: Mua sắm thiết bị điều hòa, mua sắm thiết bị phòng cháy chữa cháy thuộc công trình: Nâng cấp, cải tạo trụ sở XN MT SaPa	
2	04/QĐ-HĐQT	01/02/2021	Quyết định trích quỹ phúc lợi phục vụ tết Nguyên đán Tân Sửu năm 2021	
3	19/QĐ-HĐQT	16/03/2021	Quyết định bổ nhiệm ông Trần Quang Toàn làm phó Giám đốc công ty	
4	20/QĐ-HĐQT	23/3/2021	Quyết định Sáp nhập Xí nghiệp Dịch vụ Công trình và XN Cơ điện thành Xí nghiệp Cơ Điện - Dịch vụ.	
5	21/QĐ-HĐQT	23/3/2021	Quyết định đổi tên 02 phòng nghiệp vụ trực thuộc công ty (đổi thành phòng Kế hoạch Kỹ thuật và phòng Kế toán).	
6	38/QĐ-HĐQT	16/4/2021	Quyết định phê duyệt dự toán gói thầu: Mua sắm xe ô tô tang lễ.	
7	41/QĐ-HĐQT	29/4/2021	Quyết định phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu: Mua sắm xe ô tô tang lễ	
8	43/QĐ-HĐQT	11/5/2021	Quyết định phê duyệt hồ sơ yêu cầu chào hàng cạnh tranh gói thầu mua sắm xe ô tô	

			tang lễ.	
9	44/QĐ-HĐQT	21/5/2021	Quyết định trích quỹ phúc lợi để thăm, động viên người lao động có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn trong tháng công nhân năm 2021.	
10	48/QĐ-HĐQT	26/5/2021	Quyết định phê duyệt danh sách xếp hạng nhà thầu gói thầu Mua sắm xe ô tô tang lễ.	
11	52/QĐ-HĐQT	25/5/2021	Quyết định về việc phê duyệt điều chỉnh kế hoạch lựa chọn nhà thầu gói thầu 07: Mua sắm thiết bị điều hòa thuộc công trình: Nâng cấp, cải tạo trụ sở XN MT Sa Pa.	
12	53/QĐ-HĐQT	25/5/2021	Quyết định về việc phê duyệt điều chỉnh kế hoạch lựa chọn nhà thầu gói thầu 08: Mua sắm thiết bị phòng cháy chữa cháy thuộc công trình: Nâng cấp, cải tạo trụ sở XN MT Sa Pa.	
13	54/QĐ-HĐQT	31/5/2021	Quyết định về việc phê duyệt chỉ định thầu gói thầu 08: Mua sắm thiết bị phòng cháy chữa cháy thuộc công trình: Nâng cấp, cải tạo trụ sở XN MT Sa Pa.	
14	55/QĐ-HĐQT	31/5/2021	Quyết định về việc phê duyệt chỉ định thầu gói thầu 07: Mua sắm thiết bị điều hòa thuộc công trình: Nâng cấp, cải tạo trụ sở XNMT Sa Pa.	
15	56/QĐ-HĐQT	11/6/2021	Quyết định phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu gói thầu: Mua sắm xe ô tô tang lễ.	
16	58/QĐ-HĐQT	17/6/2021	Giao nhiệm vụ phụ trách Công ty cho ông Trần Quang Toàn - Phó Giám đốc Công ty.	
17	59/QĐ-HĐQT	17/6/2021	Bổ nhiệm ông Đặng Văn Giáp giữ chức vụ Kế toán trưởng Công ty, nhiệm kỳ 2021 - 2026 (tái cử).	
18	60/QĐ-HĐQT	17/6/2021	Bổ nhiệm ông Đặng Anh Tuấn làm Người phụ trách quản trị kiêm Thư ký công ty, nhiệm kỳ 2021 - 2026.	
19	62/QĐ-HĐQT	25/6/2021	Bổ nhiệm ông Hoàng Văn Phụng làm Phó Giám đốc công ty, nhiệm kỳ 2021 - 2026 (tái cử).	
20	63/QĐ-HĐQT	25/6/2021	Bổ nhiệm ông Phạm Văn Tiên làm Phó Giám đốc công ty, nhiệm kỳ 2021 - 2026.	
21	69/QĐ-HĐQT	01/7/2021	Kiện toàn Hội đồng xét sáng kiến cơ sở và Hội đồng xét TĐKT Công ty.	
22	72/QĐ-HĐQT	13/7/2021	Quyết định trích quỹ phúc lợi hỗ trợ Người lao động có hoàn cảnh khó khăn xây dựng nhà ở.	

23	73/QĐ-HĐQT	13/7/2021	Quyết định thành lập tổ công tác giúp đỡ xã Xây dựng nông thôn mới và giảm nghèo bền vững, giai đoạn 2021 -2025
24	74/QĐ-HĐQT	19/7/2021	Quyết định kiện toàn Hội đồng an toàn vệ sinh lao động.
25	75/QĐ-HĐQT	19/7/2021	Quyết định kiện toàn Ban an toàn vệ sinh lao động.
26	77/QĐ-HĐQT	21/7/2021	Quyết định hỗ trợ xã Bản Liền, huyện Bắc Hà trong chương trình giúp đỡ xã xây dựng nông thôn mới và giảm nghèo bền vững.
27	78/QĐ-HĐQT	21/7/2021	Quyết định trích quỹ phúc lợi thăm hỏi Người lao động bị tai nạn lao động.
28	94/QĐ-HĐQT	01/9/2021	Quyết định về việc sửa đổi, bổ sung Biểu số 05 tại Quyết định số 05/QĐ-HĐQT ngày 21/01/2020 về việc điều chỉnh mức lương, tiền phụ cấp lương trong bảng lương, bảng phụ cấp lương của Công ty
29	113/QĐ-HĐQT	24/11/2021	Quyết định phê duyệt thiết kế bản vẽ thi công, dự toán xây dựng và kế hoạch lựa chọn nhà thầu hạng mục: Sửa chữa xưởng cơ khí, ga rác Bắc Cường, trụ sở công ty.
30	115/QĐ-HĐQT	10/12/2021	Quyết định phê duyệt giao nhiệm vụ thực hiện đầu tư xây dựng hạng mục: Sửa chữa trụ sở, nhà bảo vệ vườn ươm XN MT Bắc Hà.
31	117A/QĐ-HĐQT	09/12/2021	Quyết định thiết kế bản vẽ thi công, dự toán xây dựng và kế hoạch lựa chọn nhà thầu hạng mục: Sửa chữa trụ sở, nhà bảo vệ vườn ươm XN MT Bắc Hà
32	116/QĐ-HĐQT	10/12/2021	Quyết định phê duyệt giao nhiệm vụ thực hiện đầu tư xây dựng hạng mục công trình: Gia công, lắp dựng nhà lưới vườn ươm Tả phìn, Sa Pa
33	118A/QĐ-HĐQT	10/12/2021	Quyết định phê duyệt giao nhiệm vụ thực hiện đầu tư xây dựng hạng mục: Sửa chữa trụ sở, nhà bảo vệ vườn ươm XN MT Bắc Hà
34	119A/QĐ-HĐQT	13/12/2021	Quyết định phê duyệt thiết kế bản vẽ thi công, dự toán xây dựng và kế hoạch lựa chọn nhà thầu hạng mục: Gia công lắp dựng nhà lưới, nhà kho vườn ươm B1
35	120A/QĐ-HĐQT	14/12/2021	Quyết định phê duyệt giao nhiệm vụ thực hiện đầu tư xây dựng hạng mục: Gia công lắp dựng nhà lưới, nhà kho vườn ươm B1

2. Ban Kiểm soát

a) Thành viên và cơ cấu của Ban kiểm soát nhiệm kỳ 2021 - 2026

TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Chức vụ hiện nay	Trình độ chuyên môn	Số cổ phần có quyền biểu quyết			Tỷ lệ %
					Tổng số	Trong đó		
						CP cá nhân	Cổ phần Nhà nước	
1	Đào Thị Minh Thủy	05/7/1978	Trưởng BKS	Cử nhân Kinh tế	9.000	9.000		0,22
2	Cao Xuân Hoàng	01/12/1978	Thành viên BKS	KS Lâm nghiệp; KS Xây dựng	20.016	20.016		0,48
3	Lê Thị Thuận	19/5/1978	Thành viên BKS	Cử nhân Kinh tế	5.400	5.400		0,12

b) Hoạt động của Ban Kiểm soát

Trong năm 2021, Ban Kiểm soát tổ chức 08 cuộc họp (5 cuộc họp trước đại hội và 3 cuộc họp sau đại hội).

Các cuộc họp Hội đồng quản trị:

STT	Thành viên HĐQT	Số buổi họp HĐQT tham dự	Tỷ lệ tham dự họp (%)	Lý do không tham dự họp
1	Bà Đào Thị Minh Thủy	08	100	
2	Bà Lê Thị Thuận	08	100	
3	Ông Cao Xuân Hoàng	03	37	Thành viên BKS từ ngày 08/6/2021
4	Ông Phạm Văn Tiên	05	62	Miễn nhiệm thành viên BKS ngày 08/6/2021

Ban kiểm soát thực hiện chức năng giám sát HĐQT, giám sát Ban Giám đốc Công ty trong việc quản lý, điều hành các hoạt động sản xuất kinh doanh

của Công ty theo quy định của pháp luật. Việc thực hiện Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên hàng năm và các Nghị quyết, Quyết định của Hội đồng quản trị.

- Kiểm soát Báo cáo tài chính năm của Công ty: Giám sát Ban điều hành thực hiện công tác tài chính; giám sát báo cáo tài chính năm đảm bảo tính trung thực và chính xác trong việc ghi chép, cập nhật chứng từ, sổ sách kế toán; Kiểm soát chi phí, doanh thu, thẩm định báo cáo tài chính trên cơ sở báo cáo kiểm toán độc lập trình Đại hội đồng cổ đông thường niên.

- Giám sát việc thực hiện công bố thông tin của Công ty theo quy định.

*Sự phối hợp hoạt động giữa BKS đối với hoạt động của HĐQT, Ban Giám đốc điều hành và cán bộ quản lý khác của Công ty.

BKS đã chủ động trao đổi thống nhất với HĐQT, Ban Giám đốc về các nội dung, kế hoạch kiểm tra giám sát theo đúng chức năng nhiệm vụ. Ban Kiểm soát được mời tham gia đầy đủ các cuộc họp của HĐQT, họp Giao ban của Ban Giám đốc Công ty.

HĐQT và Ban Giám đốc Công ty đã tạo điều kiện thuận lợi để Ban Kiểm soát hoạt động theo đúng các quyền, nghĩa vụ quy định tại Điều lệ Công ty. Cung cấp đầy đủ các thông tin và tài liệu liên quan đến hoạt động của Công ty.

HĐQT, Ban kiểm soát và Ban Giám đốc Công ty hoạt động luôn quan tâm đến quyền lợi hợp pháp của các cổ đông, tạo điều kiện thuận lợi để các cổ đông thực hiện quyền của mình, giải quyết kịp thời những ý kiến, đề xuất của các cổ đông.

a) Lương, thưởng, thù lao, các khoản lợi ích

TT	Họ và tên	Chức danh	Tiền lương thực hiện năm 2021			Ghi chú
			Tiền lương	Thù Lao	Tổng	
1	Phạm Văn Tân	Chủ tịch HĐQT	210.790.000		382.163.000	Miễn nhiệm ngày 08/6/2021
		Thành viên HĐQT chuyên trách	160.982.000			Từ ngày 09/6/2021 đến 30/10/2021
		Thành viên HĐQT không điều hành		10.391.000		Từ ngày 01/11/2021

2	Ngô Văn Trường	Giám đốc	202.980.000		471.919.000	Miễn nhiệm từ ngày 08/6/2021
		Chủ tịch HĐQT	268.939.000			Từ ngày 08/6/2021
3	Trần Quang Toàn	Phó Giám đốc	102.902.000		366.004.000	Bổ nhiệm từ ngày 16/3/2021 đến ngày 15/6/2021
		Phó Giám đốc, phụ trách Công ty	250.226.000			Bổ nhiệm từ ngày 16/6/2021
		Thành viên HĐQT		12.876.000		Từ ngày 01/01/2021 đến ngày 15/3/2021
4	Hoàng Văn Phụng	Phó Giám đốc	408.646.000		408.646.000	
5	Phạm Văn Tiên	Phó Giám đốc	210.514.000		233.892.000	Bổ nhiệm ngày 25/6/2021
		Thành viên BKS		20.544.000		Miễn nhiệm ngày 08/6/2021
		Thành viên HĐQT		2.834.000		Từ ngày 08/6 đến 24/6/2021
6	Đào Thị Minh Thủy	Trưởng BKS	373.124.000		373.124.000	
7	Đặng Văn Giáp	Kế toán trưởng	373.124.000		373.124.000	
8	Bùi Văn Tốt	Thành viên HĐQT		27.396.000	27.396.000	Miễn nhiệm ngày 08/6/2021
9	Đặng Anh Tuấn	Thành viên HĐQT		34.953.000	34.953.000	Từ ngày 08/6/2021
10	Cao Xuân Hoàng	Thành viên BKS		26.211.000	26.211.000	Từ ngày 08/6/2021

11	Lê Thị Thuận	Thành viên BKS		46.754.000	46.754.000	
	Tổng cộng		2.562.227.000	181.959.000	2.744.186.000	

b) Giao dịch cổ phiếu của người nội bộ: Không có

c) Hợp đồng hoặc giao dịch với người nội bộ: Không có

d) Đánh giá việc thực hiện các quy định về quản trị công ty: Thực hiện tốt các quy định về quản trị Công ty.

VI. Báo cáo tài chính

1. Ý kiến của kiểm toán viên về Báo cáo Tài chính năm 2021 của Công ty (trích trong Báo cáo kiểm toán độc lập ngày 25/2/2022 của Công ty TNHH kiểm toán Nhân Tâm Việt): “Theo ý kiến chúng tôi, Báo cáo tài chính để cập đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Môi trường Đô thị tỉnh Lào Cai tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2021 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo Tài chính”.

2. Báo cáo Tài chính được kiểm toán

Toàn văn Báo cáo Tài chính năm 2021 cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2021 đến ngày 31/12/2021 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH kiểm toán Nhân Tâm Việt và được đăng tải chi tiết trên trang thông tin điện tử của Công ty tại địa chỉ: Website: moitruongdothilaocai.com.vn (Mục Quan hệ Cổ đông) vào ngày 01/3/2022./.

Nơi nhận:

- UBCK Nhà nước;
- SGDCK Hà Nội;
- HĐQT, BGD, BKS Công ty;
- Website Công ty (Đăng tải);
- Lưu: VT, HĐQT (Tuần).

**XÁC NHẬN CỦA ĐẠI DIỆN
THEO PHÁP LUẬT CỦA CÔNG TY
CHỦ TỊCH HĐQT**



Ngô Văn Trường

CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG ĐÔ THỊ
TỈNH LÀO CAI
BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 đã được kiểm toán bởi

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN NHÂN TÂM VIỆT

MỤC LỤC

Nội dung	Trang
Báo cáo của Ban Lãnh đạo	2-4
Báo cáo kiểm toán	5-6
Báo cáo tài chính đã được kiểm toán	7-34
<i>Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2021</i>	<i>7-10</i>
<i>Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021</i>	<i>11</i>
<i>Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021</i>	<i>12-13</i>
<i>Bản thuyết minh báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021</i>	<i>14-34</i>

BÁO CÁO CỦA BAN LÃNH ĐẠO

Ban Lãnh đạo Công ty Cổ phần Môi trường đô thị tỉnh Lào Cai trình bày báo cáo của mình cùng với Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 đã được kiểm toán.

Khái quát về Công ty

Công ty Cổ phần Môi trường Đô thị tỉnh Lào Cai được thành lập trên cơ sở cổ phần hóa Công ty TNHH MTV Môi trường đô thị tỉnh Lào Cai theo Quyết định số 4342/QĐ-UBND ngày 30 tháng 11 năm 2015 của Ủy ban nhân dân tỉnh Lào Cai. Trong quá trình hoạt động, công ty đã 05 lần thay đổi giấy đăng ký kinh doanh. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty cổ phần thay đổi lần thứ 05 số 5300133049 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Lào Cai cấp ngày 10 tháng 6 năm 2021.

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp lần thứ 05: 41.711.750.000 VND.

Vốn điều lệ thực góp tại thời điểm 31/12/2021: 41.711.750.000 VND

<u>Cổ đông</u>	<u>Vốn góp (VND)</u>	<u>Tỷ lệ (%)</u>
Vốn nhà nước do Ông Ngô Văn Trường làm đại diện	21.272.990.000	51,00%
Công ty TNHH Thương mại và Thiết bị môi trường Hiệp Hòa	2.919.820.000	7,00%
Các cổ đông khác	17.518.940.000	42,00%
Cộng	41.711.750.000	100%

Trụ sở hoạt động

Địa chỉ : Số 099, đường Nhạc Sơn, tổ 19, phường Kim Tân, thành phố Lào Cai, tỉnh Lào Cai
Việt Nam
Điện thoại : 02143841038
Fax : 02143841038
Email : moitruonglaocai@gmail.com
Website : <https://www.moitruongdothilaocai.com.vn>
Mã số thuế : 5 3 0 0 1 3 3 4 9

Ngành nghề kinh doanh

- Thu gom, vận chuyển, xử lý rác thải;
- Vệ sinh nhà cửa, công trình cảnh quan;
- Duy trì, quản lý các công trình công cộng như công viên, cây xanh đô thị, rừng, điện chiếu sáng công cộng, hệ thống thoát nước đô thị;
- Nghĩa trang, dịch vụ tang lễ;
- Bảo dưỡng cơ sở hạ tầng, thiết bị kỹ thuật các khu đô thị, nhà cao tầng;
- Xây dựng cải tạo, sửa chữa các công trình dân dụng, giao thông, công nghiệp, thủy lợi, cấp thoát nước;
- Thi công các công trình điện trung, hạ thế dưới < 35KV, hệ thống chiếu sáng, đèn tín hiệu giao thông;
- Kinh doanh khách sạn, nhà hàng, thiết kế các công trình điện chiếu sáng công cộng, cây xanh đô thị, rừng;
- Sản xuất, kinh doanh giống cây trồng, khai thác chế biến lâm sản, nuôi trồng thủy sản, xuất nhập khẩu hàng hoá, phương tiện, thiết bị, vật tư, phân bón.../.

CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG ĐÔ THỊ TỈNH LÀO CAI
BÁO CÁO CỦA BAN LÃNH ĐẠO (tiếp theo)

Tình hình tài chính và hoạt động kinh doanh

Tình hình tài chính tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2021, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 của Công ty được trình bày trong Báo cáo tài chính đính kèm báo cáo này (từ trang 07 đến trang 34).

Sự kiện quan trọng phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính

Ban Lãnh đạo Công ty khẳng định không có sự kiện nào xảy ra sau ngày 31 tháng 12 năm 2021 cho đến thời điểm lập báo cáo tài chính này mà chưa được xem xét điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN ĐIỀU HÀNH, QUẢN LÝ

Thành viên Hội đồng quản trị và Ban điều hành của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

Hội đồng quản trị

<u>Họ và tên</u>	<u>Chức vụ</u>	
Ông Ngô Văn Trường	Chủ tịch	Bổ nhiệm ngày 08 tháng 6 năm 2021
Ông Phạm Văn Tân	Chủ tịch	Miễn nhiệm ngày 08 tháng 6 năm 2021
Ông Phạm Văn Tân	Ủy viên	Bổ nhiệm ngày 08 tháng 6 năm 2021
Ông Trần Quang Toàn	Ủy viên	Bổ nhiệm ngày 08 tháng 6 năm 2021
Ông Hoàng Văn Phụng	Ủy viên	Bổ nhiệm ngày 08 tháng 6 năm 2021
Ông Đặng Văn Giáp	Ủy viên	Bổ nhiệm ngày 08 tháng 6 năm 2021
Ông Phạm Văn Tiên	Ủy viên	Bổ nhiệm ngày 08 tháng 6 năm 2021
Ông Đặng Anh Tuấn	Ủy viên	Bổ nhiệm ngày 08 tháng 6 năm 2021

Ban Kiểm soát

<u>Họ và tên</u>	<u>Chức vụ</u>	
Bà Đào Thị Minh Thủy	Trưởng ban	Bổ nhiệm ngày 08 tháng 6 năm 2021
Ông Cao Xuân Hoàng	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 08 tháng 6 năm 2021
Bà Lê Thị Thuận	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 08 tháng 6 năm 2021

Ban Giám đốc

<u>Họ và tên</u>	<u>Chức vụ</u>	
Ông Trần Quang Toàn	Phó Giám đốc phụ trách Công ty	Bổ nhiệm ngày 16 tháng 6 năm 2021
Ông Phạm Văn Tiên	Phó Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 25 tháng 6 năm 2021
Ông Hoàng Văn Phụng	Phó Giám đốc	

Kế toán trưởng

<u>Họ và tên</u>	<u>Chức vụ</u>
Ông Đặng Văn Giáp	Kế toán trưởng

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Kiểm toán Nhân Tâm Việt đã kiểm toán Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021.

CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG ĐÔ THỊ TỈNH LÀO CAI
BÁO CÁO CỦA BAN LÃNH ĐẠO (tiếp theo)

CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN LÃNH ĐẠO ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Lãnh đạo Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính, Ban Lãnh đạo Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Ban Lãnh đạo và Ban quản trị Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hay không;
- Lập và trình bày các Báo cáo tài chính trên cơ sở tuân thủ các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính;
- Lập các Báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Lãnh đạo Công ty đảm bảo rằng các số kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Lãnh đạo Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31/12/2021, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và tuân thủ các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Cam kết khác

Ban Lãnh đạo cam kết rằng Công ty tuân thủ Nghị định 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 hướng dẫn về quản trị công ty áp dụng với công ty đại chúng và Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên Thị trường chứng khoán.

Lào Cai, Ngày 25 tháng 2 năm 2022

Thay mặt Ban Lãnh đạo,

Chủ tịch Hội đồng quản trị



Ngô Văn Trường

Số : 0902.01/2022/BCTC-NVT2

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP
Về Báo cáo tài chính năm 2021Kính gửi : **Các cổ đông, Hội đồng quản trị, Ban Lãnh đạo**
Công ty Cổ phần Môi trường đô thị tỉnh Lào Cai

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Môi trường đô thị tỉnh Lào Cai, được lập ngày 25 tháng 2 năm 2022 từ trang 07 đến trang 34, bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2021, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Lãnh đạo

Ban Lãnh đạo Công ty Cổ phần Môi trường đô thị tỉnh Lào Cai chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Lãnh đạo xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, yêu cầu lập kế hoạch và thực hiện để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Lãnh đạo cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến chúng tôi, Báo cáo tài chính đề cập đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Môi trường Đô thị tỉnh Lào Cai tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2021 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Hà Nội, ngày 25 tháng 2 năm 2022

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN NHÂN TÂM VIỆT

Phó Tổng Giám đốc



Nguyễn Thị Hạnh

GCNĐKHNKT số: 1690-2018-124-1

Kiểm toán viên

Vũ Thị Thiết

GCNĐKHNKT số: 3980-2022-124-1

CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG ĐÔ THỊ TỈNH LÀO CAI

Địa chỉ: Số 099, đường Nhạc Sơn, tổ 19, phường Kim Tân, thành phố Lào Cai, tỉnh Lào Cai, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		56.239.935.114	76.465.598.165
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	17.971.394.157	24.919.873.429
1. Tiền	111		4.971.394.157	6.919.873.429
2. Các khoản tương đương tiền	112		13.000.000.000	18.000.000.000
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-
1. Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		-	-
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		-	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		35.311.769.280	48.759.106.236
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.2	31.520.655.279	41.618.434.862
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.3	374.598.641	1.200.908.987
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		-	-
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.4	3.416.515.360	5.939.762.387
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137		-	-
8. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-	-
IV. Hàng tồn kho	140		2.956.771.677	2.786.618.500
1. Hàng tồn kho	141	V.5	2.956.771.677	2.786.618.500
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		-	-
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		-	-
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		-	-
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153		-	-
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG ĐÔ THỊ TỈNH LÀO CAI

Địa chỉ: Số 099, đường Nhạc Sơn, tổ 19, phường Kim Tân, thành phố Lào Cai, tỉnh Lào Cai, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200		27.671.914.051	108.794.233.664
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	-
3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		-	-
4. Phải thu nội bộ dài hạn	214		-	-
5. Phải thu về cho vay dài hạn	215		-	-
6. Phải thu dài hạn khác	216		-	-
7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
II. Tài sản cố định	220		26.655.380.490	105.613.213.457
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.6	26.655.380.490	105.613.213.457
<i>Nguyên giá</i>	222		63.324.307.886	162.175.833.315
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	223		(36.668.927.396)	(56.562.619.858)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
<i>Nguyên giá</i>	225		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227		-	-
<i>Nguyên giá</i>	228		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	229		-	-
III. Bất động sản đầu tư	230		-	-
<i>Nguyên giá</i>	231		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	232		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		-	2.636.507.278
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	V.7	-	2.636.507.278
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250		-	-
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		-	-
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		-	-
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		-	-
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		-	-
VI. Tài sản dài hạn khác	260		1.016.533.561	544.512.929
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.8	1.016.533.561	544.512.929
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	-
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		-	-
4. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		83.911.849.165	185.259.831.829

CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG ĐÔ THỊ TỈNH LÀO CAI

Địa chỉ: Số 099, đường Nhạc Sơn, tổ 19, phường Kim Tân, thành phố Lào Cai, tỉnh Lào Cai, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
C - NỢ PHẢI TRẢ	300		31.152.239.631	34.110.286.548
I. Nợ ngắn hạn	310		31.152.239.631	26.453.793.024
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.9	6.435.770.163	2.717.750.076
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.10	76.720.000	66.120.000
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.11	3.099.419.638	2.143.276.747
4. Phải trả người lao động	314		17.780.865.133	18.508.207.300
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315		-	-
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	-
7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		-	-
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.12	509.227.601	56.784.127
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.13a	-	1.020.865.804
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		-	-
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	V.14	3.250.237.096	1.940.788.970
13. Quỹ bình ổn giá	323		-	-
14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324		-	-
II. Nợ dài hạn	330		-	7.656.493.524
1. Phải trả người bán dài hạn	331		-	-
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332		-	-
3. Chi phí phải trả dài hạn	333		-	-
4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334		-	-
5. Phải trả nội bộ dài hạn	335		-	-
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		-	-
7. Phải trả dài hạn khác	337		-	-
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.13b	-	7.656.493.524
9. Trái phiếu chuyển đổi	339		-	-
10. Cổ phiếu ưu đãi	340		-	-
11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		-	-
12. Dự phòng phải trả dài hạn	342		-	-
13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG ĐÔ THỊ TỈNH LÀO CAI

Địa chỉ: Số 099, đường Nhạc Sơn, tổ 19, phường Kim Tân, thành phố Lào Cai, tỉnh Lào Cai, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
D - NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		52.759.609.534	151.149.545.281
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.15	52.759.609.534	140.490.046.666
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		41.711.750.000	41.711.750.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		41.711.750.000	41.711.750.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		-	-
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		-	-
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414		-	88.598.136.406
5. Cổ phiếu quỹ	415		-	-
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		-	-
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		-	-
8. Quỹ đầu tư phát triển	418		1.560.348.015	1.010.147.233
9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419		-	-
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		-	-
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		9.487.511.519	9.170.013.027
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		-	-
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		9.487.511.519	9.170.013.027
12. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	422		-	-
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	10.659.498.615
1. Nguồn kinh phí	431		-	7.821.600
2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	432		-	10.651.677.015
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		83.911.849.165	185.259.831.829

Người lập biểu



Hoàng Thị Lan Hương

Kế toán trưởng



Đặng Văn Giáp

Lập, ngày 25 tháng 2 năm 2022

Chủ tịch Hội đồng quản trị



Ngô Văn Trường

CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG ĐÔ THỊ TỈNH LÀO CAI

Địa chỉ: Số 099, đường Nhạc Sơn, tổ 19, phường Kim Tân, thành phố Lào Cai, tỉnh Lào Cai, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Năm 2021

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	
			Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	129.909.359.228	122.618.669.547
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		176.411.383	23.352.728
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		129.732.947.845	122.595.316.819
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	109.881.969.892	104.437.321.210
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		19.850.977.953	18.157.995.609
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	508.063.615	927.201.800
7. Chi phí tài chính	22	VI.4	109.190.105	287.969.229
Trong đó: chi phí lãi vay	23		109.190.105	287.969.229
8. Chi phí bán hàng	25		-	-
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.5	9.145.454.612	8.876.288.573
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		11.104.396.851	9.920.939.607
11. Thu nhập khác	31	VI.6	12.818.169	15.567.382
12. Chi phí khác	32	VI.7	77.908.047	34.860.987
13. Lợi nhuận khác	40		(65.089.878)	(19.293.605)
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		11.039.306.973	9.901.646.002
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	VI.8	1.551.795.454	1.028.658.730
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		<u>9.487.511.519</u>	<u>8.872.987.272</u>
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.9	<u>1.848,75</u>	<u>1.599,59</u>

Người lập biểu

Hoàng Thị Lan Hương

Kế toán trưởng

Đặng Văn Giáp

Lập, ngày 25 tháng 2 năm 2022

Chủ tịch Hội đồng quản trị

Ngô Văn Trường

CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG ĐÔ THỊ TỈNH LÀO CAI

Địa chỉ: Số 099, đường Nhạc Sơn, tổ 19, phường Kim Tân, thành phố Lào Cai, tỉnh Lào Cai, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp gián tiếp)

Năm 2021

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Đơn vị tính: VND	
			Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		11.039.306.973	9.901.646.002
2. Điều chỉnh cho các khoản:				
- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02		3.984.964.342	6.629.349.950
- Các khoản dự phòng	03		-	-
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		-	-
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(508.063.615)	(927.201.800)
- Chi phí lãi vay	06		109.190.105	287.969.229
- Các khoản điều chỉnh khác	07		-	-
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		14.625.397.805	15.891.763.381
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		12.871.029.322	(11.547.821.057)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(170.153.177)	559.837.841
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11		1.926.962.881	2.871.286.635
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		(472.020.632)	37.439.830
- Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh	13		-	-
- Tiền lãi vay đã trả	14		(109.190.105)	(287.969.229)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(500.161.998)	(1.252.170.043)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		19.900.000	162.000.000
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		(15.691.800.484)	(1.178.018.400)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		12.499.963.612	5.256.348.958
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21		(4.888.310.000)	(3.561.200.920)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22		-	-
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		-	-
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		-	-
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		-	-
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		-	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		508.063.615	927.201.800
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(4.380.246.385)	(2.633.999.120)

CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG ĐÔ THỊ TỈNH LÀO CAI

Địa chỉ: Số 099, đường Nhạc Sơn, tổ 19, phường Kim Tân, thành phố Lào Cai, tỉnh Lào Cai, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	
			Năm nay	Năm nay
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		-	-
2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3. Tiền thu từ đi vay	33		-	-
4. Tiền trả nợ gốc vay	34		(8.677.359.328)	(1.020.865.804)
5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35		-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(6.390.837.171)	(4.189.539.890)
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</i>	<i>40</i>		<i>(15.068.196.499)</i>	<i>(5.210.405.694)</i>
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50		(6.948.479.272)	(2.588.055.856)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	V.1	24.919.873.429	27.507.929.285
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	V.1	17.971.394.157	24.919.873.429

Người lập biểu



Hoàng Thị Lan Hương

Kế toán trưởng



Đặng Văn Giáp

Lập, ngày 25 tháng 2 năm 2022

Chủ tịch Hội đồng quản trị



Ngô Văn Trường

CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG ĐÔ THỊ TỈNH LÀO CAI

Địa chỉ: Số 099, đường Nhạc Sơn, tổ 19, phường Kim Tân, thành phố Lào Cai, tỉnh Lào Cai, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH Năm 2021

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

1. **Hình thức sở hữu vốn** : Công ty Cổ phần

2. **Lĩnh vực và ngành nghề kinh doanh:**

- Thu gom, vận chuyển, xử lý rác thải;
- Vệ sinh nhà cửa, công trình cảnh quan;
- Duy trì, quản lý các công trình công cộng như công viên, cây xanh đô thị, rừng, điện chiếu sáng công cộng, hệ thống thoát nước đô thị;
- Nghĩa trang, dịch vụ tang lễ;
- Bảo dưỡng cơ sở hạ tầng, thiết bị kỹ thuật các khu đô thị, nhà cao tầng;
- Xây dựng cải tạo, sửa chữa các công trình dân dụng, giao thông, công nghiệp, thủy lợi, cấp thoát nước;
- Thi công các công trình điện trung, hạ thế dưới < 35KV, hệ thống chiếu sáng, đèn tín hiệu giao thông;
- Kinh doanh khách sạn, nhà hàng, thiết kế các công trình điện chiếu sáng công cộng, cây xanh đô thị, rừng;
- Sản xuất, kinh doanh giống cây trồng, khai thác chế biến lâm sản, nuôi trồng thủy sản, xuất nhập khẩu hàng hoá, phương tiện, thiết bị, vật tư, phân bón..../.

3. **Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường:** Trong vòng 12 tháng

4. **Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên BCTC:** Số liệu BCTC năm 2021 hoàn toàn nhất quán và đảm bảo tính so sánh được với số liệu BCTC năm 2020

5. **Nhân viên:**

Tại ngày kết thúc năm tài chính Doanh nghiệp có 604 nhân viên đang làm việc (số đầu năm là 591 nhân viên).

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. **Năm tài chính**

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2. **Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG ĐÔ THỊ TỈNH LÀO CAI

Địa chỉ: Số 099, đường Nhạc Sơn, tổ 19, phường Kim Tân, thành phố Lào Cai, tỉnh Lào Cai, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và chế độ kế toán của Bộ Tài chính.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các chuẩn mực kế toán và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Tài chính cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và chế độ kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập Báo cáo tài chính.

3. Hình thức kế toán áp dụng

Công ty sử dụng hình thức kế toán nhật ký chung trên máy vi tính.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

2. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn, vàng tiền tệ sử dụng với các chức năng cất trữ giá trị không bao gồm các loại vàng được phân loại là hàng tồn kho sử dụng với mục đích là nguyên vật liệu để sản xuất sản phẩm hoặc hàng hóa để bán.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền.

3. Các khoản phải thu

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Doanh nghiệp và người mua là đơn vị độc lập với Doanh nghiệp, bao gồm cả các khoản phải thu về tiền bán hàng xuất khẩu ủy thác cho đơn vị khác.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

4. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho được xác định như sau:

CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG ĐÔ THỊ TỈNH LÀO CAI

Địa chỉ: Số 099, đường Nhạc Sơn, tổ 19, phường Kim Tân, thành phố Lào Cai, tỉnh Lào Cai, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

- Nguyên vật liệu, hàng hóa: bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.
- Thành phẩm: bao gồm chi phí nguyên vật liệu, nhân công trực tiếp và chi phí sản xuất chung có liên quan tiếp được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường.
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang: chỉ bao gồm chi phí nguyên vật liệu chính (hoặc yếu tố chi phí khác cho phù hợp).

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Giá gốc hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Đối với dịch vụ cung cấp dở dang, việc lập dự phòng giảm giá được tính theo từng loại dịch vụ có mức giá riêng biệt. Tăng, giảm số dư dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

5. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao Tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Doanh nghiệp phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa vật kiến trúc	05 – 25
Máy móc và thiết bị	05 – 15
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	03 – 08
Thiết bị dụng cụ quản lý	03

6. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp (bao gồm cả chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Doanh nghiệp đến các tài sản đang trong quá trình xây dựng, máy móc thiết bị đang lắp đặt để phục vụ cho mục đích sản xuất, cho thuê và quản lý cũng như chi phí liên quan đến việc sửa chữa tài sản cố định đang thực hiện. Các tài sản này được ghi nhận theo giá gốc và không được tính khấu hao.

CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG ĐÔ THỊ TỈNH LÀO CAI

Địa chỉ: Số 099, đường Nhạc Sơn, tổ 19, phường Kim Tân, thành phố Lào Cai, tỉnh Lào Cai, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

7. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của Doanh nghiệp bao gồm các chi phí sau:

Công cụ, dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 03 năm.

8. Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Doanh nghiệp, bao gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

9. Nguyên tắc ghi nhận vay và nợ phải trả thuê tài chính

Công ty phải theo dõi chi tiết kỳ hạn phải trả của các khoản vay, nợ thuê tài chính. Các khoản có thời gian trả nợ hơn 12 tháng kể từ thời điểm lập Báo cáo tài chính, kế toán trình bày là vay và nợ thuê tài chính dài hạn. Các khoản đến hạn trả trong vòng 12 tháng tiếp theo kể từ thời điểm lập Báo cáo tài chính, kế toán trình bày là vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn để có kế hoạch chi trả.

10. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số thực tế đã đầu tư của các cổ đông.

Vốn khác thuộc chủ sở hữu

Vốn khác được hình thành do bổ sung từ kết quả hoạt động kinh doanh, đánh giá lại tài sản và giá trị còn lại giữa giá trị hợp lý của các tài sản được tặng, biếu, tài trợ sau khi trừ các khoản thuế phải nộp (nếu có) liên quan đến các tài sản này.

Lợi nhuận chưa phân phối

Ghi nhận kết quả kinh doanh (lãi, lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp và tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của doanh nghiệp.

Các quỹ khác

Các quỹ được trích lập và sử dụng theo Điều lệ Công ty và Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông phê chuẩn hàng năm.

CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG ĐÔ THỊ TỈNH LÀO CAI

Địa chỉ: Số 099, đường Nhạc Sơn, tổ 19, phường Kim Tân, thành phố Lào Cai, tỉnh Lào Cai, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

11. Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các qui định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên số 16/NQ-DHCD ngày 08 tháng 6 năm 2021, Công ty Cổ phần Môi Trường Đô thị Lào Cai thực hiện chi trả cổ tức năm 2020 bằng tiền cho Cổ đông với số tiền 6.419.009.119 VND.

12. Ghi nhận doanh thu và thu nhập

a) Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu của giao dịch cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ được căn cứ vào kết quả phân công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc kỳ kế toán. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng qui định người mua được quyền trả lại dịch vụ đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại dịch vụ đã cung cấp.
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó.
- Xác định được phân công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc năm tài chính.

Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất thực tế từng kỳ.

13. Nguyên tắc kế toán các khoản giảm trừ doanh thu

Các khoản giảm trừ doanh thu bao gồm: Chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại.

Khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, hàng bán bị trả lại phát sinh cùng kỳ tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa dịch vụ được điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ phát sinh;

- Trường hợp sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ đã tiêu thụ từ các kỳ trước, đến kỳ sau mới phát sinh chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán hoặc hàng bán bị trả lại thì doanh nghiệp được ghi giảm doanh thu theo nguyên tắc:

+ Nếu sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ đã tiêu thụ từ các kỳ trước, đến kỳ sau phải giảm giá, phải chiết khấu thương mại, bị trả lại nhưng phát sinh trước thời điểm phát hành Báo cáo tài chính, kế toán phải coi đây là một sự kiện cần điều chỉnh phát sinh sau ngày lập Bảng cân đối kế toán và ghi giảm doanh thu, trên Báo cáo tài chính của kỳ lập báo cáo (kỳ trước).

+ Trường hợp sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ phải giảm giá, phải chiết khấu thương mại, bị trả lại sau thời điểm phát hành Báo cáo tài chính thì doanh nghiệp ghi giảm doanh thu của kỳ phát sinh (kỳ sau).

CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG ĐÔ THỊ TỈNH LÀO CAI

Địa chỉ: Số 099, đường Nhạc Sơn, tổ 19, phường Kim Tân, thành phố Lào Cai, tỉnh Lào Cai, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

14. Nguyên tắc kế toán giá vốn hàng bán.

Giá vốn hàng bán trong năm được ghi nhận phù hợp với doanh thu phát sinh trong kỳ và đảm bảo tuân thủ nguyên tắc thận trọng.

Đối với chi phí nguyên vật liệu trực tiếp tiêu hao vượt mức bình thường, chi phí nhân công, chi phí sản xuất chung cố định không phân bổ vào giá trị sản phẩm nhập kho, kế toán phải tính ngay vào giá vốn hàng bán (sau khi trừ đi các khoản bồi thường, nếu có) kể cả khi sản phẩm, hàng hóa chưa được xác định là tiêu thụ.

Khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được tính vào giá vốn hàng bán trên cơ sở số lượng hàng tồn kho và phần chênh lệch giữa giá trị thuần có thể thực hiện được nhỏ hơn giá gốc hàng tồn kho. Khi xác định khối lượng hàng tồn kho bị giảm giá cần phải trích lập dự phòng, kế toán phải loại trừ khối lượng hàng tồn kho đã ký được hợp đồng tiêu thụ (có giá trị thuần có thể thực hiện được không thấp hơn giá trị ghi sổ) nhưng chưa chuyển giao cho khách hàng nếu có bằng chứng chắc chắn về việc khách hàng sẽ không từ bỏ thực hiện hợp đồng.

15. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay. Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh.

16. Nguyên tắc kế toán chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí quản lý doanh nghiệp phản ánh các chi phí quản lý chung của doanh nghiệp gồm các chi phí về lương nhân viên bộ phận quản lý doanh nghiệp (tiền lương, tiền công, các khoản phụ cấp,...); bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn, bảo hiểm thất nghiệp của nhân viên quản lý doanh nghiệp; chi phí vật liệu văn phòng, công cụ lao động, khấu hao TSCĐ dùng cho quản lý doanh nghiệp; tiền thuê đất, thuế môn bài; khoản lập dự phòng phải thu khó đòi; dịch vụ mua ngoài (điện, nước, điện thoại, fax, bảo hiểm tài sản, cháy nổ...); chi phí bằng tiền khác (tiếp khách, hội nghị khách hàng...).

17. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp là thuế thu nhập hiện hành, được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất theo từng loại hình sản xuất kinh doanh như sau:

	Thuế suất
Vệ sinh môi trường, xử lý rác	10%
Các loại hình khác	20%

18. Công cụ tài chính

i. Tài sản tài chính

Phân loại tài sản tài chính

Công ty phân loại các tài sản tài chính thành các nhóm: tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn, các khoản cho vay và phải thu, tài sản tài chính sẵn sàng để bán. Việc phân loại các tài sản tài chính này phụ thuộc vào bản chất và mục đích của tài sản tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG ĐÔ THỊ TỈNH LÀO CAI

Địa chỉ: Số 099, đường Nhạc Sơn, tổ 19, phường Kim Tân, thành phố Lào Cai, tỉnh Lào Cai, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

Tài sản tài chính được phân loại là ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh nếu được nắm giữ để kinh doanh hoặc được xếp vào nhóm phản ánh theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Tài sản tài chính được phân loại vào nhóm chứng khoán nắm giữ để kinh doanh nếu:

- Được mua hoặc tạo ra chủ yếu cho mục đích bán lại trong thời gian ngắn;
- Công ty có ý định nắm giữ nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn;
- Công cụ tài chính phái sinh (ngoại trừ các công cụ tài chính phái sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và có kỳ đáo hạn cố định mà Công ty có ý định và có khả năng giữ đến ngày đáo hạn.

Các khoản cho vay và phải thu

Các khoản cho vay và phải thu là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và không được niêm yết trên thị trường.

Tài sản tài chính sẵn sàng để bán

Tài sản tài chính sẵn sàng để bán là các tài sản tài chính phi phái sinh được xác định là sẵn sàng để bán hoặc không được phân loại là các tài sản tài chính ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn hoặc các khoản cho vay và phải thu.

Giá trị ghi sổ ban đầu của tài sản tài chính

Các tài sản tài chính được ghi nhận tại ngày mua và dừng ghi nhận tại ngày bán. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

ii. Nợ phải trả tài chính

Công ty phân loại nợ phải trả tài chính thành các nhóm: nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ. Việc phân loại các khoản nợ tài chính phụ thuộc vào bản chất và mục đích của khoản nợ tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

Nợ phải trả tài chính được phân loại là ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh nếu được nắm giữ để kinh doanh hoặc được xếp vào nhóm phản ánh theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Nợ phải trả tài chính được phân loại vào nhóm chứng khoán nắm giữ để kinh doanh nếu:

- Được phát hành hoặc tạo ra chủ yếu cho mục đích mua lại trong thời gian ngắn;
- Công ty có ý định nắm giữ nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn;
- Công cụ tài chính phái sinh (ngoại trừ các công cụ tài chính phái sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).

Các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ

CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG ĐÔ THỊ TỈNH LÀO CAI

Địa chỉ: Số 099, đường Nhạc Sơn, tổ 19, phường Kim Tân, thành phố Lào Cai, tỉnh Lào Cai, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ được xác định bằng giá trị ghi nhận ban đầu của nợ phải trả tài chính trừ đi các khoản hoàn trả gốc, cộng hoặc trừ các khoản phân bổ lũy kế tính theo phương pháp lãi suất thực tế của phần chênh lệch giữa giá trị ghi nhận ban đầu và giá trị đáo hạn, trừ đi các khoản giảm trừ (trực tiếp hoặc thông qua việc sử dụng một tài khoản dự phòng) do giảm giá trị hoặc do không thể thu hồi.

Phương pháp lãi suất thực tế là phương pháp tính toán giá trị phân bổ của một hoặc một nhóm nợ phải trả tài chính và phân bổ thu nhập lãi hoặc chi phí lãi trong kỳ có liên quan. Lãi suất thực tế là lãi suất chiết khấu các luồng tiền ước tính sẽ chi trả hoặc nhận được trong tương lai trong suốt vòng đời dự kiến của công cụ tài chính hoặc ngắn hơn, nếu cần thiết, trở về giá trị ghi sổ hiện tại thuần của nợ phải trả tài chính.

Giá trị ghi sổ ban đầu của nợ phải trả tài chính

Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ tài chính đó.

iii. Công cụ vốn chủ sở hữu

Công cụ vốn chủ sở hữu là hợp đồng chứng tỏ được những lợi ích còn lại về tài sản của Công ty sau khi trừ đi toàn bộ nghĩa vụ.

19. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

Giao dịch với các bên có liên quan trong năm được trình bày ở thuyết minh số VII.1.

CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG ĐÔ THỊ TỈNH LÀO CAI

Địa chỉ: Số 099, đường Nhạc Sơn, tổ 19, phường Kim Tân, thành phố Lào Cai, tỉnh Lào Cai, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN****1. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tiền mặt	602.626.100	271.425.200
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	4.368.768.057	6.648.448.229
Các khoản tương đương tiền	13.000.000.000	18.000.000.000
<i>Tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn gốc không quá 3 tháng</i>	<i>13.000.000.000</i>	<i>18.000.000.000</i>
Cộng	<u>17.971.394.157</u>	<u>24.919.873.429</u>

2. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Phòng Kinh tế và Hạ tầng huyện Bắc Hà	2.370.626.900	3.723.536.747
Phòng Kinh tế và hạ tầng huyện Bát Xát	1.770.044.538	2.766.113.738
Phòng Quản lý đô thị thành phố Lào Cai	18.954.207.830	22.873.828.789
Phòng Quản lý đô thị thị xã Sa Pa	673.161.645	1.298.883.955
Tổng công ty Đầu tư nước và môi trường Việt Nam-CTCP	1.359.659.000	1.359.659.000
Văn phòng UBND tỉnh Lào Cai	2.284.139.000	2.410.332.832
Các khách hàng khác	4.108.816.366	7.186.079.801
Cộng	<u>31.520.655.279</u>	<u>41.618.434.862</u>

3. Trả trước cho người bán ngắn hạn

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Công ty Cổ phần vườn Hoàn Thiện	120.000.000	120.000.000
Công ty TNHH Một thành viên Trường Sơn	-	951.542.000
Trung tâm Giám định và chứng nhận hợp chuẩn hợp quy VIETCERT	90.000.000	-
Các nhà cung cấp khác	164.598.641	129.366.987
Cộng	<u>374.598.641</u>	<u>1.200.908.987</u>

4. Các khoản phải thu ngắn hạn khác

	<u>Số cuối năm</u>		<u>Số đầu năm</u>	
	<u>Giá trị</u>	<u>Dự phòng</u>	<u>Giá trị</u>	<u>Dự phòng</u>
Tạm ứng	127.561.700	-	117.343.488	-
Ký cược, ký quỹ	3.288.953.660	-	5.822.418.899	-
Cộng	<u>3.416.515.360</u>	<u>-</u>	<u>5.939.762.387</u>	<u>-</u>

5. Hàng tồn kho

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Nguyên liệu, vật liệu	2.456.417.759	2.564.019.400
Công cụ, dụng cụ	378.656.004	104.381.371
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	121.697.914	118.217.729
Cộng	<u>2.956.771.677</u>	<u>2.786.618.500</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG ĐÔ THỊ TỈNH LÀO CAI

Địa chỉ: Số 099, đường Nhạc Sơn, tổ 19, phường Kim Tân, thành phố Lào Cai, tỉnh Lào Cai, Việt Nam
BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

6. Tài sản cố định hữu hình

Nguyên giá	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
Số đầu năm	74.173.292.055	51.605.582.976	36.343.358.284	53.600.000	162.175.833.315
Tăng do mua sắm mới	-	-	1.456.180.000	-	1.456.180.000
Tăng từ xây dựng cơ bản	7.340.427.762	707.613.150	-	-	8.048.040.912
Phân loại lại	64.100.000	-	(64.100.000)	-	-
Giảm do bán giao lại tài sản cho UBND tỉnh	(61.286.068.638)	(47.069.677.703)	-	-	(108.355.746.341)
Số cuối năm	20.291.751.179	5.243.518.423	37.735.438.284	53.600.000	63.324.307.886
<i>Trong đó:</i>					
<i>Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng</i>	2.368.025.895	2.409.791.636	11.586.095.011	53.600.000	16.417.512.542
Giá trị hao mòn					
Số đầu năm	17.521.234.179	17.171.759.536	21.816.026.143	53.600.000	56.562.619.858
Khấu hao trong năm	781.917.310	263.270.448	2.939.776.584	-	3.984.964.342
Giảm do bán giao lại tài sản cho UBND tỉnh	(10.625.717.279)	(13.252.939.525)	-	-	(23.878.656.804)
Số cuối năm	7.677.434.210	4.182.090.459	24.755.802.727	53.600.000	36.668.927.396
Giá trị còn lại					
Số đầu năm	56.652.057.876	34.433.823.440	14.527.332.141	-	105.613.213.457
Số cuối năm	12.614.316.969	1.061.427.964	12.979.635.557	-	26.655.380.490

CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG ĐỒ THỊ TỈNH LÀO CAI

Địa chỉ: Số 099, đường Nhạc Sơn, tổ 19, phường Kim Tân, thành phố Lào Cai, tỉnh Lào Cai, Việt Nam
BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

7. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	Số đầu năm	Chi phí phát sinh trong năm	Kết chuyển vào TSCĐ trong năm	Kết chuyển sang chi phí trả trước	Số cuối năm
Mua sắm tài sản cố định	-	1.456.180.000	(1.456.180.000)	-	-
Xây dựng cơ bản dở dang	2.636.507.278	5.553.878.834	(8.048.040.912)	(142.345.200)	-
<i>Năng cấp cải tạo trụ sở xí nghiệp Môi trường Sa Pa</i>	<i>2.596.304.358</i>	<i>5.411.533.634</i>	<i>(8.007.837.992)</i>	<i>-</i>	<i>-</i>
<i>Bê xư lý nước rỉ rác</i>	<i>40.202.920</i>		<i>(40.202.920)</i>	<i>-</i>	<i>-</i>
<i>Bê chứa nước vườn ươm Na kim Bắc Hà</i>		<i>12.129.200</i>		<i>(12.129.200)</i>	<i>-</i>
<i>Nhà để xe Ga rác Bắc Cường</i>		<i>17.467.200</i>		<i>(17.467.200)</i>	<i>-</i>
<i>Nhà lưới vườn ươm Tà Phìn Sa Pa</i>		<i>65.050.800</i>		<i>(65.050.800)</i>	<i>-</i>
<i>Nhà lưới, nhà kho vườn ươm B1</i>		<i>47.698.000</i>		<i>(47.698.000)</i>	<i>-</i>
Cộng	2.636.507.278	7.010.058.834	(9.504.220.912)	(142.345.200)	-

8. Chi phí trả trước dài hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Công cụ dụng cụ	582.126.468	300.578.921
Các chi phí trả trước dài hạn khác	434.407.093	243.934.008
Cộng	1.016.533.561	544.512.929



CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG ĐÔ THỊ TỈNH LÀO CAI

Địa chỉ: Số 099, đường Nhạc Sơn, tổ 19, phường Kim Tân, thành phố Lào Cai, tỉnh Lào Cai, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

9. Phải trả người bán ngắn hạn

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ Hoa cây cảnh Vy Khê	397.047.000	214.987.500
Đỗ Thị Bích Ngọc	-	268.560.926
Lưu Quang Hiến	188.130.000	409.915.000
Công ty TNHH một thành viên Môi trường Công nghiệp Hoàng Yến	100.663.000	308.667.000
Trịnh Xuân Hưng	500.958.000	256.010.000
Công ty TNHH Một thành viên Trường Sơn	1.403.096.000	-
Các nhà cung cấp khác	3.845.876.163	1.259.609.650
Cộng	<u>6.435.770.163</u>	<u>2.717.750.076</u>

10. Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Công ty TNHH MTV Môi trường Sơn La	41.000.000	41.000.000
Công ty Tuấn Vũ	15.000.000	15.000.000
Các khách hàng khác	20.720.000	10.120.000
Cộng	<u>76.720.000</u>	<u>66.120.000</u>

11. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Số phát sinh trong năm</u>		<u>Số cuối năm</u>
	<u>Phải nộp</u>	<u>Phát sinh tăng</u>	<u>Phát sinh giảm</u>	<u>Phải nộp</u>
Thuế GTGT hàng bán nội địa	1.805.923.129	7.744.833.853	(7.834.754.708)	1.716.002.274
Thuế thu nhập doanh nghiệp	301.285.310	1.551.795.454	(500.161.998)	1.352.918.766
Thuế thu nhập cá nhân	36.068.308	529.039.102	(534.608.812)	30.498.598
Các loại thuế khác	-	3.000.000	(3.000.000)	-
Cộng	<u>2.143.276.747</u>	<u>9.828.668.409</u>	<u>(8.872.525.518)</u>	<u>3.099.419.638</u>

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

Thuế giá trị gia tăng

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ với thuế suất theo từng loại hình dịch vụ như sau:

Duy trì công viên, cây xanh đường phố, dịch vụ tang lễ	Không chịu thuế
Các hoạt động khác	10%

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất theo từng loại hình sản xuất kinh doanh như sau:

Vệ sinh môi trường, xử lý rác	10%
Các loại hình khác	20%

Các loại thuế khác

Công ty kê khai và nộp theo qui định.

CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG ĐÔ THỊ TỈNH LÀO CAI

Địa chỉ: Số 099, đường Nhạc Sơn, tổ 19, phường Kim Tân, thành phố Lào Cai, tỉnh Lào Cai, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**12. Phải trả ngắn hạn khác**

	Số cuối năm	Số đầu năm
Kinh phí công đoàn	389.403.116	-
Phải trả tiền cổ tức	40.230.975	12.059.027
Các khoản phải trả ngắn hạn khác	79.593.510	44.725.100
Cộng	509.227.601	56.784.127

13. Vay ngân hàng ngắn và dài hạn**a) Vay ngân hàng ngắn hạn**

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Vay dài hạn đến hạn trả				
<i>Ngân hàng Phát triển Việt Nam</i>	-	-	1.020.865.804	1.020.865.804
<i>- CN Lào Cai</i>	-	-		
Cộng	-	-	1.020.865.804	1.020.865.804

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay ngắn hạn như sau:

	Số đầu năm	Số tiền vay đã trả trong năm	Số cuối năm
	Vay dài hạn đến hạn trả	1.020.865.804	(1.020.865.804)
Cộng	1.020.865.804	(1.020.865.804)	-

b) Vay và nợ thuê tài chính dài hạn

Là khoản vay dài hạn Ngân hàng Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Lào Cai

	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	7.656.493.524	8.677.359.328
Số tiền vay đã trả	(7.656.493.524)	-
Kết chuyển sang vay và nợ ngắn hạn	-	(1.020.865.804)
Số cuối năm	-	7.656.493.524

Khoản vay Ngân hàng Phát triển Việt Nam - CN Lào Cai theo Hợp đồng vay vốn ODA số 02/2010/HDODA-NHĐTPT ngày 27/10/2010, Giấy báo thu chi số 104/ 2014 và Công văn số 344/BTC-QLN ngày 08 tháng 01 năm 2016 thuộc Dự án cơ sở hạ tầng nông thôn tỉnh Lào Cai số tiền 13.271.285.441 VNĐ (Hợp phần xử lý rác thải) với lãi suất 3%/năm tính trên dư nợ, thời hạn vay 180 tháng (15 năm) kể từ ngày giải ngân đầu tiên, thời gian ân hạn 24 tháng (2 năm). Số tiền vay được hoàn trả 6 tháng một lần vào ngày 30/04 và 31/10 hàng năm, thanh toán lần đầu kể từ ngày hết thời gian ân hạn. Khoản vay này được sự bảo lãnh của UBND tỉnh Lào Cai.

14. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

	Số đầu năm	Tăng do trích lập từ lợi nhuận	Tăng khác	Chi quỹ trong năm	Số cuối năm
	Quỹ khen thưởng	1.707.539.580	1.049.689.063	19.900.000	(444.980.000)
Quỹ phúc lợi	233.249.390	1.049.689.063	-	(364.850.000)	918.088.453
Quỹ thưởng Ban quản lý, điều hành	-	101.425.000	-	(101.425.000)	-
Cộng	1.940.788.970	2.200.803.126	19.900.000	(911.255.000)	3.250.237.096

Năm 2021, Công ty thực hiện trích lập các quỹ theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 16/NQ-ĐHCD ngày 08 tháng 6 năm 2021. Tổng số tiền là 2.200.803.126 VNĐ.

CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG ĐÔ THỊ TỈNH LÀO CAI

Địa chỉ: Số 099, đường Nhạc Sơn, tổ 19, phường Kim Tân, thành phố Lào Cai, tỉnh Lào Cai, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**15. Vốn chủ sở hữu**

	Vốn góp của chủ sở hữu	Vốn khác của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
Số dư đầu năm trước	41.711.750.000	88.598.136.406	650.412.945	5.995.571.442	136.955.870.793
Lợi nhuận trong năm trước	-	-	-	8.872.987.272	8.872.987.272
Trích lập các quỹ	-	-	359.734.288	(1.798.671.442)	(1.438.937.154)
Chia cổ tức, lợi nhuận	-	-	-	(4.196.900.000)	(4.196.900.000)
Tặng/Giảm khác	-	-	-	297.025.755	297.025.755
Số dư cuối năm trước	41.711.750.000	88.598.136.406	1.010.147.233	9.170.013.027	140.490.046.666
Số dư đầu năm nay	41.711.750.000	88.598.136.406	1.010.147.233	9.170.013.027	140.490.046.666
Lợi nhuận trong kỳ này	-	-	-	9.487.511.519	9.487.511.519
Trích lập các quỹ	-	-	550.200.782	(2.751.003.908)	(2.200.803.126)
Chia cổ tức, lợi nhuận	-	-	-	(6.419.009.119)	(6.419.009.119)
Giảm theo quyết định của UBND tỉnh	-	(88.598.136.406)	-	-	(88.598.136.406)
Số dư cuối năm nay	41.711.750.000	-	1.560.348.015	9.487.511.519	52.759.609.534

(*) Theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 16/NQ-ĐHCD ngày 08 tháng 6 năm 2021. Công ty Cổ phần Môi Trường Đô thị Lào Cai thực hiện phân phối lợi nhuận, trích lập các quỹ và chi trả cổ tức năm 2020 như sau:

- Trích lập các quỹ với tỷ lệ 30 % lợi nhuận sau thuế tương ứng 2.751.003.908 VND, trong đó:

+ *Quỹ đầu tư phát triển 20% của 30% lợi nhuận sau thuế tương ứng 550.200.782 VND*

+ *Quỹ khen thưởng, phúc lợi của người lao động và quỹ thưởng người quản lý doanh nghiệp 80% của 30% lợi nhuận sau thuế tương ứng 2.200.803.126 VND*

- Chi trả cổ tức bằng tiền với tỷ lệ 70% lợi nhuận sau thuế cho Cổ đông tương ứng 6.419.009.119 VND.

CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG ĐÔ THỊ TỈNH LÀO CAI

Địa chỉ: Số 099, đường Nhạc Sơn, tổ 19, phường Kim Tân, thành phố Lào Cai, tỉnh Lào Cai, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Vốn nhà nước do Ông Ngô Văn Trường làm đại diện	21.272.990.000	21.272.990.000
Công ty TNHH Thương mại và Thiết bị Môi trường Hiệp Hòa	2.919.820.000	2.919.820.000
Cá nhân khác	17.518.940.000	17.518.940.000
Cộng	<u>41.711.750.000</u>	<u>41.711.750.000</u>

Cổ phiếu

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	4.171.175	4.171.175
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	4.171.175	4.171.175
- Cổ phiếu phổ thông	4.171.175	4.171.175
- Cổ phiếu ưu đãi		
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
- Cổ phiếu phổ thông	-	-
- Cổ phiếu ưu đãi		
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	4.171.175	4.171.175
- Cổ phiếu phổ thông	4.171.175	4.171.175
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**1. Doanh thu cung cấp dịch vụ**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Tổng doanh thu	129.909.359.228	122.618.669.547
+ Doanh thu cung cấp dịch vụ	129.909.359.228	122.618.669.547
Các khoản giảm trừ doanh thu	(176.411.383)	(23.352.728)
+ Giảm giá dịch vụ cung cấp	(176.411.383)	(23.352.728)
Doanh thu thuần	<u>129.732.947.845</u>	<u>122.595.316.819</u>

2. Giá vốn hàng bán

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	109.881.969.892	104.437.321.210
Cộng	<u>109.881.969.892</u>	<u>104.437.321.210</u>

3. Doanh thu hoạt động tài chính

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Lãi tiền gửi	508.063.615	927.201.800
Cộng	<u>508.063.615</u>	<u>927.201.800</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG ĐÔ THỊ TỈNH LÀO CAI

Địa chỉ: Số 099, đường Nhạc Sơn, tổ 19, phường Kim Tân, thành phố Lào Cai, tỉnh Lào Cai, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**4. Chi phí tài chính**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí lãi vay	109.190.105	287.969.229
Cộng	<u>109.190.105</u>	<u>287.969.229</u>

5. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí cho nhân viên	6.293.822.599	5.899.339.871
Chi phí vật liệu quản lý	430.210.907	303.963.694
Chi phí khấu hao tài sản cố định	166.017.671	204.215.339
Thuế, phí và lệ phí	454.266.773	50.940.469
Chi phí dịch vụ mua ngoài	569.964.291	574.454.391
Các chi phí khác	1.231.172.371	1.843.374.809
Cộng	<u>9.145.454.612</u>	<u>8.876.288.573</u>

6. Thu nhập khác

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Tiền phòng ở tập thể	12.818.169	13.636.350
Thu nhập khác	-	1.931.032
Cộng	<u>12.818.169</u>	<u>15.567.382</u>

7. Chi phí khác

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí ủng hộ	70.000.000	-
Phạt truy thu, chậm nộp thuế	-	14.860.987
Chi phí khác	7.908.047	20.000.000
Cộng	<u>77.908.047</u>	<u>34.860.987</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG ĐÔ THỊ TỈNH LÀO CAI

Địa chỉ: Số 099, đường Nhạc Sơn, tổ 19, phường Kim Tân, thành phố Lào Cai, tỉnh Lào Cai, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**8. Chi phí thuế TNDN hiện hành**

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong năm được dự tính như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	11.039.306.973	9.901.646.002
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp:	-	34.860.987
- Các khoản điều chỉnh tăng	-	34.860.987
<i>Phạt truy thu, chậm nộp thuế</i>	-	14.860.987
<i>Chi phí khác</i>	-	20.000.000
- Các khoản điều chỉnh giảm	-	-
Thu nhập chịu thuế	11.039.306.973	9.936.506.989
Thu nhập tính thuế TNDN với thuế suất 10%	6.560.659.408	5.990.675.640
Thu nhập tính thuế TNDN với thuế suất 20%	4.478.647.565	3.945.831.349
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp ưu đãi	10%	10%
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp phổ thông	20%	20%
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp	1.551.795.454	1.388.233.834
Thuế thu nhập doanh nghiệp được miễn, giảm	-	(416.470.151)
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp	1.551.795.454	971.763.683
Điều chỉnh thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của các năm trước	-	56.895.047
Tổng chi phí thuế TNDN hiện hành	1.551.795.454	1.028.658.730

9. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	9.487.511.519	8.872.987.272
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông:	(1.776.062.157)	(2.200.803.126)
- <i>Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (*)</i>	(1.776.062.157)	(2.200.803.126)
Lợi nhuận tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	7.711.449.362	6.672.184.146
Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm	4.171.175	4.171.175
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	1.848,75	1.599,59

(*) Tạm trích quỹ khen thưởng phúc lợi theo kế hoạch SXKD, phân phối lợi nhuận năm 2021 tại Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 16/NQ-ĐHCD ngày 08 tháng 6 năm 2021.

Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm được tính như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành đầu năm	4.171.175	4.171.175
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	4.171.175	4.171.175

CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG ĐÔ THỊ TỈNH LÀO CAI

Địa chỉ: Số 099, đường Nhạc Sơn, tổ 19, phường Kim Tân, thành phố Lào Cai, tỉnh Lào Cai, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

10. Chi phí theo yếu tố

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	30.076.292.879	26.889.216.332
Chi phí công cụ dụng cụ	1.390.871.652	1.167.554.208
Chi phí nhân công	78.954.937.536	75.017.670.318
Chi phí khấu hao tài sản cố định	3.984.964.342	6.629.349.950
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.990.673.453	2.970.969.710
Chi phí khác	1.633.164.827	2.057.059.012
Cộng	<u>119.030.904.689</u>	<u>114.731.819.530</u>

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Giao dịch với các bên liên quan

Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt

Các thành viên quản lý chủ chốt bao gồm: các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc và kế toán trưởng Công ty.

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Ban lãnh đạo		
Cổ tức phải trả	129.949.975	96.912.601
Cổ tức đã trả	129.949.975	96.912.601

Thu nhập thành viên Ban Lãnh đạo

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Tiền lương, thù lao	2.744.186.000	2.434.198.000
Cộng	<u>2.744.186.000</u>	<u>2.434.198.000</u>

2. Thông tin bộ phận

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là Dịch vụ Công ích đô thị và toàn bộ hoạt động kinh doanh của đơn vị diễn ra trên địa bàn Tỉnh Lào Cai. Do đó, Công ty không trình bày thông tin bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý.

3. Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty.

Công ty có các rủi ro tín dụng từ các hoạt động kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (tiền gửi ngân hàng, cho vay và các công cụ tài chính khác).

Phải thu khách hàng

Công ty giảm thiểu rủi ro tín dụng bằng cách chỉ giao dịch với các đơn vị có khả năng tài chính tốt, yêu cầu mở thư tín dụng đối với các đơn vị giao dịch lần đầu hay chưa có thông tin về khả năng tài chính và nhân viên kế toán công nợ thường xuyên theo dõi nợ phải thu để đôn đốc thu hồi. Trên cơ sở này và khoản phải thu của Công ty liên quan đến nhiều khách hàng khác nhau nên rủi ro tín dụng không tập trung vào một khách hàng nhất định.

Tiền gửi ngân hàng

Phần lớn tiền gửi ngân hàng của Công ty được gửi tại các ngân hàng lớn, có uy tín ở Việt Nam. Công ty nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng là thấp.

CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG ĐÔ THỊ TỈNH LÀO CAI

Địa chỉ: Số 099, đường Nhạc Sơn, tổ 19, phường Kim Tân, thành phố Lào Cai, tỉnh Lào Cai, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

4. Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện nghĩa vụ tài chính do thiếu tiền.

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm cao nhất trong quản lý rủi ro thanh khoản. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Công ty quản lý rủi ro thanh khoản thông qua việc duy trì một lượng tiền và các khoản tương đương tiền phù hợp và các khoản vay ở mức mà Ban Tổng Giám đốc cho là đủ để đáp ứng nhu cầu hoạt động của Công ty nhằm giảm thiểu ảnh hưởng của những biến động về luồng tiền.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng chưa được chiết khấu như sau:

	<u>Từ 1 năm trở xuống</u>	<u>Trên 1 năm đến 5 năm</u>	<u>Trên 5 năm</u>	<u>Cộng</u>
Số cuối năm				
Vay và nợ	-	-	-	-
Phải trả người bán	6.435.770.163	-	-	6.435.770.163
Các khoản phải trả khác	18.290.092.734	-	-	18.290.092.734
Cộng	24.725.862.897	-	-	24.725.862.897
Số đầu năm				
Vay và nợ	1.020.865.804	7.656.493.524	-	8.677.359.328
Phải trả người bán	2.717.750.076	-	-	2.717.750.076
Các khoản phải trả khác	18.564.991.427	-	-	18.564.991.427
Cộng	22.303.607.307	7.656.493.524	-	29.960.100.831

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

5. Giá trị hợp lý của tài sản và nợ phải trả tài chính

	<u>Giá trị sổ sách</u>		<u>Giá trị hợp lý</u>	
	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tài sản tài chính				
Tiền và các khoản tương đương tiền	17.971.394.157	24.919.873.429	17.971.394.157	24.919.873.429
Phải thu khách hàng	31.520.655.279	41.618.434.862	31.520.655.279	41.618.434.862
Các khoản phải thu khác	3.416.515.360	5.939.762.387	3.416.515.360	5.939.762.387
Cộng	52.908.564.796	72.478.070.678	52.908.564.796	72.478.070.678
Nợ phải trả tài chính				
Vay và nợ	-	8.677.359.328	-	8.677.359.328
Phải trả người bán	6.435.770.163	2.717.750.076	6.435.770.163	2.717.750.076
Các khoản phải trả khác	18.290.092.734	18.564.991.427	18.290.092.734	18.564.991.427
Cộng	24.725.862.897	29.960.100.831	24.725.862.897	29.960.100.831

CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG ĐÔ THỊ TỈNH LÀO CAI

Địa chỉ: Số 099, đường Nhạc Sơn, tổ 19, phường Kim Tân, thành phố Lào Cai, tỉnh Lào Cai, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được phản ánh theo giá trị mà công cụ tài chính có thể được chuyển đổi trong một giao dịch hiện tại giữa các bên có đầy đủ hiểu biết và mong muốn giao dịch.

Công ty sử dụng phương pháp và giả định sau để ước tính giá trị hợp lý:

- Giá trị hợp lý của tiền mặt, tiền gửi ngân hàng ngắn hạn, các khoản phải thu khách hàng, phải trả cho người bán và nợ phải trả ngắn hạn khác tương đương giá trị sổ sách của các khoản mục này do những công cụ này có kỳ hạn ngắn.
- Giá trị hợp lý của các khoản phải thu và cho vay có lãi suất cố định hoặc thay đổi được đánh giá dựa trên các thông tin như lãi suất, rủi ro, khả năng trả nợ và tính chất rủi ro liên quan đến khoản nợ. Trên cơ sở đánh giá này Công ty ước tính dự phòng cho phần có khả năng không thu hồi được.
- Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính sẵn sàng để bán được niêm yết trên thị trường chứng khoán là giá công bố giao dịch tại ngày kết thúc năm tài chính. Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính sẵn sàng để bán chưa niêm yết được ước tính bằng các phương pháp định giá phù hợp.

6. Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Rủi ro thị trường bao gồm 3 loại: rủi ro ngoại tệ, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá khác.

Các phân tích về độ nhạy trình bày dưới đây được lập trên cơ sở giá trị các khoản nợ thuần, tỷ lệ giữa các khoản nợ có lãi suất cố định và các khoản nợ có lãi suất thả nổi là không thay đổi.

Rủi ro ngoại tệ

Rủi ro ngoại tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá hối đoái.

Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường.

Rủi ro lãi suất của Công ty chủ yếu liên quan đến tiền và các khoản vay.

Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình thị trường để có được các lãi suất có lợi nhất và vẫn nằm trong giới hạn quản lý rủi ro của mình.

Rủi ro về giá khác

Rủi ro về giá khác là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường ngoài thay đổi của lãi suất và tỷ giá hối đoái.

7. Các Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính

Không có sự kiện nào phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính yêu cầu phải điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính.

CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG ĐÔ THỊ TỈNH LÀO CAI

Địa chỉ: Số 099, đường Nhạc Sơn, tổ 19, phường Kim Tân, thành phố Lào Cai, tỉnh Lào Cai, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**8. Thông tin so sánh**

Số liệu so sánh đầu năm được lấy theo Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán Nhân Tâm Việt.

Do ảnh hưởng của việc trích lập Quỹ Khen thưởng phúc lợi năm 2020 theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 16/NQ-ĐHCD ngày 08 tháng 6 năm 2021. Chỉ tiêu Lãi cơ bản trên cổ phiếu được trình bày lại như sau:

	<u>Mã số</u>	<u>Số liệu theo Báo cáo tài chính đã kiểm toán năm trước</u>	<u>Số liệu điều chỉnh lại</u>	<u>Số liệu sau điều chỉnh</u>
<i>Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh</i>				
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	1.616,68	(17,09)	1.599,59

Lập ngày 25 tháng 2 năm 2022

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Chủ tịch Hội đồng quản trị



Hoàng Thị Lan Hương

Đặng Văn Giáp

Ngô Văn Trường